

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

**ĐỖ THỊ DUNG**

**MỘT SỐ TÍN HIỆU THÂM MĨ TRONG THƠ  
NGUYỄN QUANG THIỀU**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC NGỮ VĂN**

**SƠN LA, NĂM 2017**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

**ĐỖ THỊ DUNG**

**MỘT SỐ TÍN HIỆU THÂM MĨ TRONG THƠ  
NGUYỄN QUANG THIỀU**

**Chuyên ngành: Ngôn ngữ Việt Nam**

**Mã số: 822 01 02**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC NGỮ VĂN**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Bùi Thanh Hoa**

**SƠN LA, NĂM 2017**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn này là trung thực và chưa hề được sử dụng để bảo vệ một học vị nào. Mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện luận văn này đã được cảm ơn và các thông tin trích dẫn trong luận văn đã được chỉ rõ nguồn gốc rõ ràng và được phép công bố.

*Sơn La, ngày 16 tháng 10 năm 2017*

**Học viên thực hiện**

**Đỗ Thị Dung**

## LỜI CẢM ƠN

Em xin chân thành bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến PGS.TS Bùi Thanh Hoa - người đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo, giúp đỡ em thực hiện và hoàn thành luận văn.

Em xin cảm ơn các thầy giáo, cô giáo khoa Ngữ Văn - Trường Đại học Tây Bắc đã nhiệt tình giảng dạy và giúp đỡ em trong quá trình học tập tại trường.

Xin gửi lời cảm ơn chân thành đến gia đình, bạn bè đã luôn động viên tôi trong suốt quá trình học tập và thực hiện luận văn.

*Sơn La, ngày 16 tháng 10 năm 2017*

**Học viên thực hiện**

**Đỗ Thị Dung**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử vấn đề .....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	6
5. Phương pháp nghiên cứu.....	7
6. Dự kiến đóng góp của luận văn.....	7
7. Cấu trúc của luận văn .....	8
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT</b> .....	9
1.1. Tín hiệu .....	9
1.2. Tín hiệu ngôn ngữ .....	10
1.2.1. Khái niệm .....	10
1.2.2. Đặc tính của tín hiệu ngôn ngữ .....	10
1.2.2.1. Tính hai mặt .....	10
1.2.2.2. Tính võ đoán .....	11
1.2.2.3. Tính đa trị .....	11
1.2.2.4. Tính hình tuyến .....	12
1.2.2.5. Tính hệ thống .....	12
1.3. Tín hiệu thẩm mỹ .....	13
1.3.1. Khái niệm .....	13
1.3.2. Cách xây dựng THPTM trong văn bản nghệ thuật .....	15
1.3.2.1. Ẩn dụ.....	16
1.3.2.2. Hoán dụ .....	16
1.3.3. Những đặc tính của tín hiệu thẩm mỹ .....	16
1.3.3.1. Tính đẳng cấu.....	16
1.3.3.2. Tính cấp độ.....	17

1.3.3.3. Đặc tính tác động .....	18
1.3.3.4. Tính biểu hiện .....	19
1.3.3.5. Tính biểu cảm.....	19
1.3.3.6. Tính biểu trưng.....	20
1.3.3.7. Tính truyền thông và cách tân.....	21
1.3.3.8. Tính hệ thống .....	24
1.3.4. Tín hiệu thẩm mỹ và ngôn ngữ văn học .....	25
1.3.5. Hằng thể và các biến thể của THPTM trong tác phẩm văn chương .	27
1.4. Tác giả Nguyễn Quang Thiều .....	29
1.4.1. Tiểu sử.....	29
Tiểu kết chương 1 .....	33
<b>CHƯƠNG 2: ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO CỦA CÁC TÍN HIỆU THẨM MỸ</b> <b>“TRĂNG”, “CÁNH ĐỒNG” TRONG THƠ NGUYỄN QUANG THIỀU</b>	
.....	34
2.1. Kết quả thống kê số lần xuất hiện của các tín hiệu thẩm mỹ trăng, cánh đồng.....	34
2.2. Tín hiệu thẩm mỹ “trăng” .....	39
2.2.1. Biến thể từ vựng của tín hiệu thẩm mỹ “trăng” .....	39
2.2.2. Biến thể kết hợp của tín hiệu thẩm mỹ “trăng” .....	39
2.2.2.1. Kết hợp trước (X + trăng) .....	39
2.3. Tín hiệu thẩm mỹ “cánh đồng” .....	45
2.3.1. Biến thể từ vựng của tín hiệu thẩm mỹ “cánh đồng” .....	45
2.3.2. Biến thể kết hợp của tín hiệu thẩm mỹ “cánh đồng” .....	46
2.3.2.2. Kết hợp sau (cánh đồng+ X) .....	52
Tiểu kết chương 2 .....	57

<b>CHƯƠNG 3: Ý NGHĨA BIỂU TRUNG CỦA CÁC TÍN HIỆU “TRĂNG”, “CÁNH ĐỒNG” TRONG THƠ NGUYỄN QUANG THIỀU</b>	
.....	59
3.1. Tín hiệu thẩm mỹ “trăng” .....	59
3.1.1. Hướng nghĩa biểu trưng của tín hiệu thẩm mỹ “trăng” .....	59
3.1.2. Ý nghĩa biểu trưng của tín hiệu thẩm mỹ “trăng” trong thơ Nguyễn Quang Thiều.....	61
3.1.2.1. Trăng biểu trưng cho đối tượng tri giao của nhân vật trữ tình.....	61
3.1.2.2. Trăng biểu trưng cho những giá trị bất biến, trường tồn .....	65
3.1.2.3. Trăng biểu trưng cho sự liên tưởng đầy cá tính của thi nhân .....	68
3.2. Tín hiệu thẩm mỹ "cánh đồng" .....	70
3.2.1. Hướng nghĩa biểu trưng của tín hiệu thẩm mỹ "cánh đồng" .....	70
3.2.2. Ý nghĩa biểu trưng của tín hiệu thẩm mỹ "cánh đồng" trong thơ Nguyễn Quang Thiều.....	71
3.2.2.1. Cánh đồng là biểu tượng cho vẻ đẹp làng quê.....	71
3.2.2.2. Cánh đồng là biểu tượng cho sự hữu hạn, suy kiệt, đau buồn.....	75
3.2.2.3. Cánh đồng là biểu tượng cho sự vô hạn, niềm hi vọng và sự tái sinh .....	77
Tiểu kết chương 3 .....	82
<b>KẾT LUẬN</b> .....	83
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	85

## DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TH	Tín hiệu
THTM	Tín hiệu thẩm mỹ



## MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

1.1. Nguyễn Quang Thiều là một nhà thơ luôn nỗ lực không ngừng trên hành trình cách tân thơ Việt. Trong địa hạt thơ ca, Nguyễn Quang Thiều đã xác lập cho mình một gương mặt và một giọng điệu rất riêng, không trộn lẫn. Trong các sáng tác của Nguyễn Quang Thiều, người đọc luôn nhận thấy nỗ lực của một nhà văn muốn đề xuất một lối tư duy, một lối viết, một cách tiếp nhận mới đối với thi ca Việt. Nhà thơ đã tự nhận đó là hành trình “ra đi khỏi dàn đồng ca thánh thót” của thời đại. Thế giới thi ảnh và biểu tượng trong thơ Nguyễn Quang Thiều đầy “ma lực” song cũng rất phức tạp nên cho đến nay thơ Nguyễn Quang Thiều vẫn “chia đôi dư luận”, vẫn còn những khen chê, những điều còn bỏ ngỏ. Và đó chính là tiềm năng cho nghiên cứu.

1.2. Tiếp cận văn chương từ tín hiệu thẩm mỹ (THTM) là hướng đi không mới. Song ở mỗi lĩnh vực sáng tạo, ở mỗi thời đại và mỗi tư duy của người nghệ sĩ thì những tín hiệu thẩm mỹ lại được mã hóa và lên tiếng cho những tư tưởng và cảm quan của người kiến tạo nó đồng thời chi phối sự tiếp nhận của người đọc. Trong lịch sử thành văn của mình, tín hiệu thẩm mỹ “trăng” và “cánh đồng” luôn được viết lại với những khung tri thức nhất định. Trong thơ của Nguyễn Quang Thiều, “trăng” và “cánh đồng” trở đi trở lại, là một ám ảnh khôn nguôi, trở thành một thông điệp nghệ thuật riêng của người nghệ sĩ. Đó là lí do quan trọng cho sự lựa chọn đề tài nghiên cứu “*Một số tín hiệu thẩm mỹ trong thơ Nguyễn Quang Thiều*” của chúng tôi.

1.3. Xem “trăng” và “cánh đồng” như những tín hiệu nghệ thuật quan trọng thể hiện được tư tưởng của nhà thơ, hướng nghiên cứu này có khả năng tìm hiểu được những quy tắc mã hóa tín hiệu và giải mã những thông điệp khuất lấp của văn bản. Đây cũng là một trong những hướng gợi mở cách tiếp cận thơ Nguyễn Quang Thiều và có thể là một căn cứ để đánh giá những giá

trị sáng tạo của nhà thơ. Và trên hết để hiểu rằng, dần dần trên hành trình sáng tạo nghệ thuật với một ý niệm, một mỹ cảm khác biệt là một hành trình có nhiều chông gai, thử thách và đôi khi không tránh khỏi cảm giác đơn độc của người nghệ sĩ. Song dù có đơn độc nhưng không bao giờ là vô nghĩa.

## **2. Lịch sử vấn đề**

### **2.1. Về tín hiệu thẩm mỹ và tín hiệu thẩm mỹ trong thơ ca**

Khái niệm tín hiệu thẩm mỹ gắn liền với khuynh hướng cấu trúc trong nghiên cứu mỹ học và nghệ thuật giữa thế kỉ XX. Các tác giả như: Hoàng Tuệ, Đào Trinh, Đỗ Hữu Châu, Trần Đình Sử, Bùi Minh Toán, Đỗ Việt Hùng, Nguyễn Thị Ngân Hoa... quan tâm nghiên cứu. Hiện nay, việc tìm hiểu tác phẩm văn chương từ góc nhìn tín hiệu thẩm mỹ hay giá trị biểu trưng trở nên phổ biến và chiếm ưu thế.

Nhiều luận án triển khai theo hướng nghiên cứu này cũng đã khẳng định được ý nghĩa thực tiễn của hướng tìm hiểu văn học từ góc độ ngôn ngữ học, đồng thời đã có những đóng góp, bổ sung quan trọng vào lí thuyết về THPTM. Năm 1966, trong “Lối đối đáp trong ca dao trữ tình” tạp chí Văn học số 9, tác giả Cao Huy Đình đã đề cập đến các tín hiệu như *trúc – mai, mạn – đào, thuyền – bến*. Từ đó tác giả đã chỉ ra nét thú vị trong ca dao chính là ở lối đối đáp trò chuyện giữa hai người.

Năm 2005, luận án tiến sĩ của Nguyễn Thị Ngân Hoa “*Sự phát triển ý nghĩa biểu tượng trang phục trong ngôn ngữ thơ ca Việt Nam*” dưới ánh sáng của lí thuyết biểu tượng đã phân loại và phân tích sự phát triển ý nghĩa của hệ biểu tượng trang phục trong các giai đoạn thơ ca khác nhau.

Gần đây, một số luận văn Thạc sĩ đã nghiên cứu, giải mã tác phẩm văn chương từ góc nhìn của THPTM như: “*Tín hiệu thẩm mỹ trong thơ Tố Hữu*” của Nguyễn Bích Khải, “*Một số tín hiệu thẩm mỹ trong thơ Nguyễn Bính*” của Phạm Thị Thảo Yên, “*Một số tín hiệu thẩm mỹ trong thơ Lưu Quang Vũ*” của

Trần Doãn Quyết.

## **2.2. Một số công trình nghiên cứu về Nguyễn Quang Thiều**

Về các sáng tác của Nguyễn Quang Thiều đã có nhiều nghiên cứu, đánh giá phong phú, nhiều màu sắc. Nhìn chung có hai luồng ý kiến trái ngược nhau. Luồng ý kiến thứ nhất cho rằng Nguyễn Quang Thiều không biết làm thơ, thơ như thơ dịch. Có những tác giả viết về sự suy đồi về nhân cách của nhà thơ.... chỉ thông qua một, hai bài thơ. Ở luồng ý kiến thứ hai, Nguyễn Quang Thiều được coi là “người mở đường, luôn ở hàng tiên phong, là thần tượng của không ít cây bút trẻ”. Dù còn nhiều ý kiến đánh giá khác nhau nhưng đã cho thấy: Nguyễn Quang Thiều ít nhiều hiện nay được đánh giá ở vai trò người đổi mới, cách tân thơ Việt.

Tuy nhiên, từ góc tiếp cận của đề tài luận văn, chúng tôi chủ yếu quan tâm đến những nghiên cứu liên quan đến tín hiệu nghệ thuật trong thơ Nguyễn Quang Thiều. Và về vấn đề này đã có một số công trình nghiên cứu, bài viết sau:

PGS.TS Nguyễn Đăng Điệp trong *Đổi mới thơ Việt Nam đương đại nhìn từ trường hợp Nguyễn Quang Thiều* đã phân nào phác họa diện mạo thơ Nguyễn Quang Thiều. Tác giả đã chỉ ra những sáng tạo, những đóng góp của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều trên hành trình cách tân thơ Việt. Bài viết cũng đã chỉ ra cơ chế tạo thi ảnh và biểu tượng trong thơ Nguyễn Quang Thiều: “Nguyễn Quang Thiều luôn có ý thức tạo dựng hệ thống thi ảnh từ những kí ức tự do, hoang dại, đượm buồn... Nguyễn Quang Thiều tạo dựng thi ảnh bằng kí ức và triển khai theo hướng nở xòe...” và “Thông thường, thơ gắn với ẩn dụ; văn xuôi trình bày đời sống bằng hoán dụ. Nguyễn Quang Thiều đã xây dựng liên tiếp những chuỗi ẩn dụ và trình hiện nó trong hình hài những câu thơ đậm chất văn xuôi mang tính hoán dụ..”. Tác giả cũng chỉ ra rằng “nói kết những giấc mơ và hệ thống thi ảnh thơ Nguyễn Quang Thiều, ta sẽ

nhận ra hệ thống biểu tượng, trong đó nổi bật nhất là lửa, cánh đồng, dòng sông và phụ nữ”. Tuy nhiên trong bài viết tác giả mới chỉ dừng lại ở việc liệt kê những biểu tượng lửa, cánh đồng, dòng sông, phụ nữ chứ chưa đưa ra những ý nghĩa của từng biểu tượng.

Nguyễn Mạnh Tiến trong *Nguyễn Quang Thiều, lửa thức* có nói đến ảnh tượng lửa. Tác giả đã thống kê sự xuất hiện của biểu tượng “lửa” trong thơ Nguyễn Quang Thiều: trực tiếp như “lửa, ngọn lửa, mặt trời, cháy, đám cháy, đồng lửa, tro âm...” và gián tiếp như “ngọn khói, đất âm, lóe sáng...”. Từ đó đi đến kết luận về ý nghĩa của biểu tượng lửa trong thơ Nguyễn Quang Thiều: “Lửa Thiều là ngọn lửa lạnh. Lửa âm tính, lửa âm áp nơi bào thai mẹ. Lửa Thiều gọi về trong niềm hoài hương dằng dặc nơi chôn quê xưa, trong cõi tưởng: Làng Chùa”.

Trong những bài viết về biểu tượng thơ trong thơ Nguyễn Quang Thiều thì bài viết *Hình tượng phụ nữ và trẻ em* của tác giả Đặng Vũ Hoàng đã có những cảm nhận sâu sắc về những hình tượng này. Tác giả nhận định: “Hình ảnh người đàn bà xuất hiện với tần số khá cao trong thơ Nguyễn Quang Thiều... Họ là những người không có diện mạo, không lai lịch nhưng đầy đủ tính cách và số phận. Họ là hình ảnh tiêu biểu để khái quát nên rất nhiều vấn đề trong cuộc sống”. Bằng sự tinh tế và thấu cảm, tác giả bài viết đã nhận ra nét riêng của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều khi khắc họa hình tượng này. Khác với văn học truyền thống thường nâng niu và ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ, Nguyễn Quang Thiều lại thấy “họ là những người khổ cực ngay từ vóc dáng bẩm sinh *“những ngón chân xương xẩu, móng dài và đen tõe ra như móng chân gà mái”*; họ nhẫn nại chịu đựng và gánh hết tất cả những nhọc nhằn. Họ hứng chịu tất cả những thiệt thòi với một sự thâm lặng đáng trân trọng mà cũng thật tội nghiệp *“Những người đàn bà già của làng đồng phục màu nâu/ Những trụ cầu mảnh mai suốt đời bền vững”*. Nguyễn Quang Thiều

còn trần trở, đau xót về sự bất hạnh của họ. Tác giả đã lên tiếng bênh vực quyền sống một cách nhân văn nhất cho những người phụ nữ góa bụa. Ở *Những ví dụ*, những người vợ liệt sĩ được vinh danh và cả xã hội hàm ơn nhưng ở bình diện bản thể họ vẫn là những con người với biết bao khát vọng. Họ chịu đựng thiệt thòi, họ không còn mơ ước đến những điều đẹp đẽ và lãng mạn trong cuộc sống. Thậm chí những khao khát đời thường trong họ cũng tàn lụi dần và trở nên nghẽn ngãng “*Họ tránh những con đường dẫn tới những đêm trắng. Bầu vú họ mệt mỏi nằm ngoẹo đầu và trở nên nghẽn ngãng*”; họ chỉ còn sống với nỗi cô độc, sự lo âu và ám ảnh về cái chết đang từng đêm vọng tiếng từ cổ áo quan đóng sẵn cho mình. Song họ vẫn vượt lên trên tất cả những đau khổ, bất hạnh để sống và khát khao được hồi sinh

*Người hàng xóm góa chồng*

*Trở về từ nghĩa địa*

*Cắm đầy hoa tâm xuân trong phòng ngủ của mình*

(Hồi tưởng tháng giêng)

Còn hình ảnh của những cậu bé luôn là biểu tượng cho niềm tin, là sự giữ gìn và kế tục và tiếp nối truyền thống của cha ông.

Như vậy, đã có nhiều nghiên cứu về thơ Nguyễn Quang Thiều, nhưng việc tiếp cận thơ ông từ góc nhìn tín hiệu thẩm mỹ là rất ít. Một số nhà nghiên cứu có những phát hiện có ý nghĩa nhất định về một số biểu tượng trong thơ của Nguyễn Quang Thiều. Song việc tìm hiểu thơ Nguyễn Quang Thiều từ lí thuyết tín hiệu thẩm mỹ cũng như nghiên cứu biểu tượng *trăng* và *cánh đồng* trong thơ ông là chưa có. Đó cũng chính là cơ sở để chúng tôi triển khai đề tài “*Một số tín hiệu thẩm mỹ trong thơ Nguyễn Quang Thiều*” dưới góc nhìn của ngôn ngữ học.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Dựa trên những cơ sở lý thuyết về tín hiệu thẩm mỹ, chúng tôi mong muốn tiếp tục thể nghiệm phương pháp nghiên cứu văn học dưới cái nhìn của tín hiệu học nói chung, tín hiệu thẩm mỹ nói riêng. Đồng thời hé mở hướng tiếp cận thơ Nguyễn Quang Thiều, tạo cơ sở cho những đánh giá về những giá trị sáng tạo nghệ thuật của nhà thơ.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục đích nêu trên luận văn thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Giới thuyết về tín hiệu thẩm mỹ .
- Giới thiệu về tác giả Nguyễn Quang Thiều
- Tìm kiếm, thu thập nguồn ngữ liệu; khảo sát, thống kê, phân loại nguồn ngữ liệu; những bài thơ, câu thơ có sử dụng THTM *trăng, cánh đồng* trong thơ Nguyễn Quang Thiều.
- Phân tích, miêu tả các dạng thức cấu tạo và ý nghĩa của các tín hiệu thẩm mỹ *trăng, cánh đồng* trong thơ Nguyễn Quang Thiều thông qua các kiểu kết hợp.
- Phân tích các nét nghĩa biểu trưng của các tín hiệu thẩm mỹ *trăng, cánh đồng* trong thơ Nguyễn Quang Thiều.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu chủ đạo của chúng tôi trong đề tài này là đặc điểm cấu tạo và ý nghĩa biểu trưng của tín hiệu thẩm mỹ *trăng, cánh đồng* trong thơ Nguyễn Quang Thiều.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Tiến hành đề tài này chúng tôi khảo sát, nghiên cứu sáu tập thơ của Nguyễn Quang Thiều như: *Ngôi nhà tuổi 17, Sự mất ngủ của lửa, Những người đàn bà gánh nước sông, Nhịp điệu châu thổ mới, Bài ca những con chim đêm, Cây ánh sáng.*

Các tập thơ này được tuyển và giới thiệu trong cuốn *Châu thổ*, 2010, NXB Hội nhà văn

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Phương pháp thống kê, phân loại**

Phương pháp này sử dụng khi khảo sát, thống kê tần số xuất hiện của các tín hiệu thẩm mỹ theo hướng nghiên cứu của luận văn đồng thời phân loại các yếu tố hình thức và ý nghĩa của các tín hiệu thẩm mỹ, từ đó làm cơ sở phân tích, nhận xét, đánh giá về những đặc điểm nổi bật trong cách sử dụng ngôn ngữ trong thơ Nguyễn Quang Thiều.

### **5.2. Phương pháp phân tích, tổng hợp**

Qua quá trình nghiên cứu, phân tích các tín hiệu thẩm mỹ trong thơ Nguyễn Quang Thiều như việc sử dụng từ ngữ, các kết hợp từ vựng, ý nghĩa biểu trưng. Trên cơ sở đó chúng tôi sẽ khái quát những đặc điểm cơ bản về ngôn ngữ thơ và phong cách thơ Nguyễn Quang Thiều.

### **5.3. Phương pháp so sánh đối chiếu**

Phương pháp so sánh được sử dụng để thấy rõ nét sự tương đồng và khác biệt của thơ Nguyễn Quang Thiều so với các nhà thơ khác, sự vận động và phát triển của chính thơ ông. Từ đó thấy được sự sáng tạo, cách tân và bản sắc riêng trong thơ Nguyễn Quang Thiều .

### **5.4. Phương pháp phân tích diễn ngôn và ngữ dụng học:**

Phương pháp này sẽ giúp ta giải mã một cách đầy đủ hơn về những hiện tượng cách tân trong lựa chọn hình ảnh, sử dụng ngôn ngữ, tư duy nghệ thuật độc đáo của tác giả trong việc xây dựng các tín hiệu thẩm mỹ với những ý nghĩa thẩm mỹ mới lạ.

## **6. Dự kiến đóng góp của luận văn**

### **6.1. Về mặt lí luận**

Luận văn góp phần tìm hiểu thêm về tín hiệu thẩm mỹ trong thơ

Nguyễn Quang Thiều. Đây là tín hiệu được sử dụng nhiều trong ngôn ngữ nghệ thuật, tạo nên những giá trị đặc sắc cho những tác phẩm văn chương nói chung và trong các sáng tác của các tác giả trong đó có Nguyễn Quang Thiều. Việc tìm ra những ý nghĩa biểu trưng của “trăng”, “cánh đồng” trong thơ Nguyễn Quang Thiều nhằm giúp bổ sung kiến thức về tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương được đầy đủ, toàn diện hơn.

## **6.2. Về mặt thực tiễn**

Kết quả của luận văn góp phần vào việc tìm hiểu các tác phẩm nghệ thuật xuất phát từ những tín hiệu thẩm mỹ. Người viết hi vọng khóa luận là một sự gọi mở trong hành trình tiếp nhận thơ Nguyễn Quang Thiều. Nghiên cứu của luận văn cũng là những căn cứ để hiểu sâu hơn về thơ Nguyễn Quang Thiều. Đó cũng là căn cứ khoa học để việc đánh giá tài thơ Nguyễn Quang Thiều được chính xác hơn.

## **7. Cấu trúc của luận văn**

Ngoài phần **Mở đầu**, **Kết luận** và **Tài liệu tham khảo**, luận văn gồm 3 chương:

**Chương 1** : Cơ sở lý thuyết

**Chương 2**: Đặc điểm cấu tạo của các tín hiệu thẩm mỹ “trăng”, “cánh đồng” trong thơ Nguyễn Quang Thiều.

**Chương 3** : Ý nghĩa của các tín hiệu thẩm mỹ “trăng”, “cánh đồng” trong thơ Nguyễn Quang Thiều.



## CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

### 1.1. Tín hiệu

Trong cuốn “Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng” Đỗ Hữu Châu đã nêu ra định nghĩa của P.Guiraud theo nghĩa rộng: “Một tín hiệu là một kích thích mà tác động của nó đến cơ thể gọi ra hình ảnh kí ức của một kích thích khác” [3. tr.70] . Còn A.Schaff lại định nghĩa theo nghĩa hẹp: “Một sự vật chất hay thuộc tính của nó, một hiện tượng thực tế sẽ trở thành tín hiệu nếu như trong quá trình giao tiếp nó được các nhân vật giao tiếp sử dụng trong khuôn khổ của một ngôn ngữ để truyền đạt một tư tưởng nào đó về thực tế, tức về thế giới bên ngoài hay về những cảm thụ nội tâm (những cảm xúc, những cảm thụ nghệ thuật, mọi ý chí...)” [3. tr.80].

Theo tác giả Đỗ Hữu Châu định nghĩa rộng của P. Guiraud có tác dụng phát hiện ra những đặc trưng tín hiệu học của các tín hiệu ngôn ngữ cao hơn. Nhưng dù hiểu theo nghĩa nào thì khái niệm tín hiệu vẫn là một khái niệm quan hệ, không phải là một khái niệm tự thân.

Về phân loại tín hiệu, các tác giả cũng đã đưa ra nhiều cách phân loại khác nhau dựa vào các tiêu chí khác nhau.

Đỗ Hữu Châu cũng đã đưa ra bảng phân loại tín hiệu theo quan điểm của riêng mình. Theo ông tín hiệu là một thực thể đa diện cho nên căn cứ vào các phương diện khác nhau có thể định ra các tiêu chí phân loại khác nhau. Mỗi lần vận dụng các tiêu chí phân loại sẽ cho ra một kết quả phân loại. Những tiêu chí phân loại mà Đỗ Hữu Châu đưa ra là:

- (1) Dựa vào đặc tính thể chất của cái biểu hiện.
- (2) Dựa vào nguồn gốc của tín hiệu.
- (3) Dựa vào mối quan hệ giữa cái biểu hiện và cái được biểu hiện.
- (4) Căn cứ vào chức năng xã hội của tín hiệu.

Dựa vào mặt thể chất của tín hiệu có thể phân chia ra được các loại tín

hiệu như: tín hiệu màu sắc, tín hiệu âm thanh... Trong đó, tín hiệu ngôn ngữ được coi là một loại tín hiệu đặc biệt.

## **1.2. Tín hiệu ngôn ngữ**

### **1.2.1. Khái niệm**

Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu đặc biệt, cũng giống như tín hiệu, ngôn ngữ gồm có hai mặt: mặt biểu đạt (mặt âm thanh), mặt được biểu đạt (mặt ý nghĩa). Nhưng hệ thống tín hiệu ngôn ngữ rất phức tạp, đa dạng bao gồm các yếu tố đồng loại và không đồng loại, với số lượng không xác định. Ngôn ngữ có rất nhiều loại đơn vị khác nhau: âm vị khác với hình vị, hình vị khác với từ, từ khác với câu. Số lượng từ và câu trong một ngôn ngữ là vô số. Vì vậy, hệ thống tín hiệu ngôn ngữ vừa có đặc điểm giống và khác với loại tín hiệu khác.

### **1.2.2. Đặc tính của tín hiệu ngôn ngữ**

#### **1.2.2.1. Tính hai mặt**

Cũng như tín hiệu, tín hiệu ngôn ngữ có tính hai mặt. Hai mặt của tín hiệu ngôn ngữ gồm cái biểu hiện và cái được biểu hiện. Cái biểu hiện là hình thức ngữ âm, cái được biểu hiện là khái niệm, ý nghĩa. Hai mặt gắn bó khăng khít với nhau, đã có cái này là có cái kia và ngược lại. Hay, cái được biểu hiện là thuộc tính của cái biểu hiện và ngược lại:

Ví dụ: Cái biểu hiện là âm thanh *cây* cái được biểu hiện là một loại thực vật nói chung. Nói cách khác, âm và nghĩa đi liền với nhau.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng cái được biểu hiện là phẩm chất của cái biểu hiện chỉ đúng cho từng ngôn ngữ, là của từng ngôn ngữ.

Ví dụ: Nghĩa của từ *bàn* trong tiếng Việt là chỉ có trong tiếng Việt và nó là nghĩa của hình thức âm thanh bàn (cái biểu hiện *bàn*). Nghĩa của từ *bàn* trong tiếng Việt không phải nghĩa của hình thức (cái biểu hiện) *table* trong tiếng Anh.

#### 1.2.2.2. Tính vô đoán

Mối quan hệ phổ biến giữa hai mặt của tín hiệu nói chung và tín hiệu ngôn ngữ nói riêng là mối quan hệ vô đoán, tức là không có lí do. Song, trong tín hiệu ngôn ngữ có một số trường hợp mức độ vô đoán thấp, nghĩa là có tính lí do, cụ thể:

Thứ nhất: có lí do về âm thanh (từ tượng thanh), tức là hình thức âm thanh của chúng là do mô phỏng âm thanh tự nhiên: *ầm ầm, tí tách, đi ùng, tắc kè...*

Thứ hai: có lí do về hình thái học (cấu tạo từ), tức là tín hiệu gốc (từ đơn) thường mang tính vô đoán cao. Còn các từ phái sinh (từ láy, từ ghép) đã có tính lí do ở mức độ nhất định giữa hình thức âm thanh và nội dung ý nghĩa. Ví dụ, các từ đơn *nhà, máy* trong Tiếng Việt có tính vô đoán rất cao, nhưng khi tạo nên từ ghép *nhà máy* thì từ này có thể cắt nghĩa được (*nhà có máy móc* và ở đó có con người làm việc bằng *máy móc*).

Thứ ba: có lí do về nghĩa (chuyên nghĩa), tức là giữa nghĩa chuyên ở từ đa nghĩa với nghĩa gốc và với âm thanh của từ đã có mối quan hệ có lí do: giống nhau ở một hay một số nét nghĩa nào đó. Như vậy, tính vô đoán của tín hiệu ngôn ngữ không mang mức tuyệt đối.

#### 1.2.2.3. Tính đa trị

Ở nhiều loại tín hiệu mang tính đơn trị tức là mỗi hình thức tín hiệu thường chỉ biểu thị một nội dung. Ví dụ, trong tín hiệu đèn giao thông: màu xanh chỉ ứng với nghĩa được đi, màu đỏ chỉ biểu đạt nghĩa dừng lại, màu vàng chỉ nghĩa chuẩn bị. Còn tín hiệu ngôn ngữ có tính đa trị, nghĩa là có thể có các trường hợp:

- Một tín hiệu ngôn ngữ biểu thị nhiều nội dung khác nhau, như trường hợp các từ nhiều nghĩa, đồng âm.
- Nhiều tín hiệu ngôn ngữ biểu thị một nội dung, như trường hợp các

từ đồng nghĩa.

- Nội dung của mỗi tín hiệu ngôn ngữ, ngoài phần hiện thực khách quan còn có thể gợi ra những tình cảm, cảm xúc, thái độ, cách đánh giá... đối với các sự vật, hiện tượng (nghĩa biểu cảm). Ví dụ, xét trong các tín hiệu đồng nghĩa: *hi sinh, quy tiên, về núi, từ trần...*, các tín hiệu này cùng chỉ trạng thái (mất khả năng sống, không còn biểu hiện của sự sống), nhưng giữa chúng có sự khác nhau về phần tình cảm, cách đánh giá con của người.

Các phương tiện đồng âm, đồng nghĩa, nhiều nghĩa cũng như các sắc thái kèm theo của các tín hiệu ngôn ngữ thường xuất hiện trong các tác phẩm văn học. Vì vậy, khi tiếp cận các tác phẩm văn chương, chúng ta cần chú ý đến các phương tiện đó.

#### 1.2.2.4. Tính hình tuyến

Mặt biểu đạt các ngôn ngữ là âm thanh. Khi sử dụng, các âm thanh ngôn ngữ diễn ra lần lượt, kế tiếp nhau trong thời gian. Nói cách khác, các tín hiệu ngôn ngữ có tính hình tuyến rất chặt chẽ. Tính hình tuyến của các tín hiệu ngôn ngữ thể hiện rõ, khi chúng ta ghi lại bằng chữ viết (dùng tuyến không gian của tín hiệu văn tự thay cho sự kế tiếp trên tuyến thời gian).

Chính tính hình tuyến của tín hiệu ngôn ngữ dẫn đến một hệ quả: thứ tự của các tín hiệu cũng đóng vai trò cần yếu trong việc thể hiện nội dung ý nghĩa: thay đổi nghĩa, làm mất nghĩa, thêm nghĩa biểu cảm, nhấn mạnh ý... khi thứ tự các từ ngữ thay đổi, tuy vẫn là từ ấy. Ví dụ: *nhà chật/ chật nhà, thịt bò/bò thịt, chỉ điểm/ điểm chỉ...*

#### 1.2.2.5. Tính hệ thống

Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu phức tạp bao gồm các yếu tố đồng loại và không đồng loại, với số lượng không xác định. Những hệ thống tín hiệu nhân tạo như hệ thống đèn giao thông, biển chỉ đường, quân hiệu, quân hàm v.v... chỉ bao gồm một số tương đối hạn chế các yếu tố đồng loại. Chẳng

hạn, hệ thống đèn giao thông chỉ gồm ba yếu tố là đèn đỏ, đèn xanh và đèn vàng và tính chất của chúng là hoàn toàn như nhau. Ngôn ngữ có nhiều loại đơn vị khác nhau: âm vị khác với hình vị, hình vị khác với từ, từ khác với câu. Số lượng từ và câu trong một ngôn ngữ là vô số. Không ai có thể biết tất cả các từ của ngay tiếng mẹ đẻ của mình, bởi vì nó quá nhiều, lại thường xuyên được phát triển, bổ sung thêm.

Vì ngôn ngữ bao gồm các yếu tố không đồng loại cho nên nó tạo ra nhiều hệ thống và hệ thống con khác nhau. Mỗi hệ thống con như vậy bao gồm những yếu tố tương đối đồng loại. Chẳng hạn, hệ thống âm vị bao gồm tất cả các âm vị, hệ thống từ vựng bao gồm tất cả các từ và đơn vị tương đương với từ, hệ thống hình vị bao gồm tất cả các hình vị v.v... Hệ thống âm vị lại có thể chia ra hệ thống nguyên âm và hệ thống phụ âm, hệ thống hình vị có thể chia ra hệ thống hình vị thực và hệ thống hình vị hư, hệ thống từ vựng có thể chia ra hệ thống từ đơn và hệ thống từ ghép v.v...

Các đơn vị ngôn ngữ làm thành những cấp độ khác nhau. Khi nghiên cứu, người ta thường chia các yếu tố của ngôn ngữ vào các cấp độ khác nhau. Cấp độ là một trong những giai đoạn nghiên cứu của ngôn ngữ được quy định bởi những thuộc tính của những đơn vị được phân xuất trọng khi phân tách chuỗi lời nói một cách liên tục từ những đơn vị bậc cao đến những đơn vị bậc thấp. Các đơn vị thuộc cấp độ khác nhau có quan hệ tôn ti, tức là các đơn vị bậc thấp "nằm trong" các đơn vị bậc cao và các đơn vị bậc cao "bao gồm" các đơn vị bậc thấp.

Ví dụ: câu bao gồm các từ, từ bao gồm các hình vị, hình vị bao gồm các âm vị. Ngược lại, âm vị nằm trong hình vị, hình vị nằm trong từ, từ nằm trong câu. Vì vậy, âm vị, hình vị, từ và câu là những cấp độ khác nhau.

### **1.3. Tín hiệu thẩm mỹ**

#### ***1.3.1. Khái niệm***

Mỗi loại hình nghệ thuật luôn có một chất liệu riêng để biểu hiện tư tưởng, cảm xúc thẩm mỹ của tác giả. Các nhà nghiên cứu gọi chung những chất liệu ấy bằng khái niệm: tín hiệu thẩm mỹ (THTM). Như vậy, khái niệm này có thể được hiểu theo hai cách:

Thứ nhất (nghĩa rộng): THTM là chất liệu để xây dựng nên hình tượng nghệ thuật của tất cả các ngành nghệ thuật nói chung. Chẳng hạn, tín hiệu của hội họa là đường nét, màu sắc, bố cục; của âm nhạc là âm thanh, tiết tấu; của điện ảnh là hình ảnh; của sân khấu là hành động và của văn học là ngôn từ.

Thứ hai (nghĩa hẹp): THTM là chất liệu của văn học. THTM lấy tín hiệu ngôn ngữ tự nhiên làm chất liệu nhưng đi vào từng tác phẩm chúng được tổ chức lại để phục vụ cho một mục đích thẩm mỹ nhất định.

Trên cơ sở tiếp thu những người đi trước, chúng tôi sử dụng khái niệm THTM của Đỗ Việt Hùng và Nguyễn Thị Ngân Hoa như sau “*Tín hiệu thẩm mỹ là những tín hiệu được sử dụng để thực hiện chức năng thẩm mỹ: xây dựng hình tượng trong tác phẩm nghệ thuật*” [18. tr.270].

THTM được xây dựng trên cơ sở tín hiệu ngôn ngữ tự nhiên, lấy ngôn ngữ tự nhiên làm chất liệu biểu hiện. Do đó, nếu coi ngôn ngữ tự nhiên là hệ thống tín hiệu nguyên cấp (hệ thống tín hiệu thứ nhất) thì tín hiệu ngôn ngữ nghệ thuật là hệ thống tín hiệu thứ cấp (hệ thống tín hiệu thứ hai). *Cái biểu đạt* của tín hiệu thẩm mỹ bao gồm cả hình thức ngữ âm và ý nghĩa sự vật lô - gíc của ngôn ngữ tự nhiên. *Cái được biểu đạt* là lớp ý nghĩa hình tượng. Như vậy, tín hiệu thẩm mỹ là một tín hiệu phức hợp. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa *cái biểu đạt* và *cái được biểu đạt* của THTM không phải là mối quan hệ vô đoán mà mang tính có lí do. Có thể miêu tả bản chất tín hiệu học của THTM như sau:

Tín hiệu thẩm mỹ	
Cái biểu đạt	Cái được biểu đạt

Tín hiệu ngôn ngữ		Ý nghĩa thẩm mỹ
Âm thanh	Ý nghĩa sự vật – lô gíc	

Như vậy, giá trị của một THPTM chủ yếu được quy định bởi những mối quan hệ bên ngoài ngôn ngữ. Sự thực hiện chức năng của THPTM là sự thống nhất của mối quan hệ ngữ đoạn, quan hệ tuyến tính trong văn bản ngôn từ và các nhân tố này. Tuy nhiên, khác với ngôn ngữ tự nhiên, các mối quan hệ này là quan hệ mang tính hàm ẩn, không biểu hiện một cách trực tiếp tường minh.

### ***1.3.2. Cách xây dựng THPTM trong văn bản nghệ thuật***

THPTM hình thành từ hai cơ sở: Ý nghĩa và giá trị thực thể của các thực thể văn hóa và ý nghĩa bản thể trong hệ thống ngôn ngữ tự nhiên. Sự tổ chức lại các tín hiệu tự nhiên thành các THPTM để nâng cấp hoạt động nhận thức và biểu hiện thế giới tinh thần của con người là một bước tiến quan trọng nhất trong tư duy con người, biểu hiện sự kết hợp giữa tư duy lí tính và tư duy biểu tượng: *“Con người không chỉ phản ứng một cách trực tiếp và thô sơ trong phạm vi những nhu cầu thực dụng, trái lại, những mối liên hệ đầy ý nghĩa của các sự vật, đối tượng luôn bao bọc thế giới của con người. Nói cách khác, phản ứng của con người, trong một chừng mực nhất định, phụ thuộc vào ý nghĩa biểu trưng của sự vật, hơn nữa con người còn khác xa với loài vật ở chỗ không chỉ nhận biết ý nghĩa mối liên hệ của các sự vật riêng biệt mà luôn cố gắng sáng tạo, phủ định, điều chỉnh lại sự diễn đạt bằng biểu tượng”* [18. tr 63].

Như vậy, các THPTM trong văn học nghệ thuật có thể có nguồn gốc từ tự nhiên – xã hội (các loại cây cối, động vật, các hiện tượng, vật thể tự nhiên hay nhân tạo) hoặc là những chi tiết, sự kiện, điển tích - điển cố hay những sản phẩm tinh thần thuộc đời sống văn hóa của từng dân tộc hay nhân loại. từ những nguồn ấy, THPTM được cấu tạo chủ yếu theo hai phương thức sau:

#### 1.3.2.1. Ẩn dụ

Là phương thức chuyển nghĩa của đối tượng này thay cho đối tượng khác khi hai đối tượng có một nét nghĩa tương đồng nào đó thông qua tín hiệu ngôn ngữ với THPTM.

**Ví dụ:** *Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

(Tràng Giang- Huy Cận)

Hình ảnh *cành củi khô* cũng chính là hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng cho thân phận con người trở nên lạc lõng, bé nhỏ, bơ vơ giữa dòng đời vô định. Từ đó, tác giả dùng hình ảnh *cành củi* (đối tượng trong hiện thực) làm THPTM.

#### 1.3.2.2. Hoán dụ

Là phương thức chuyển nghĩa (lấy tên gọi của đối tượng này gọi cho tượng khác) dựa trên mối quan hệ tương cận, tức là thường xuyên đi đôi, gần gũi với nhau. Chẳng hạn, *miệng, chân, tay ...* vốn là từ chỉ bộ phận cơ thể người có thể dùng để chỉ người: *Nhà có năm miệng ăn; chân sút người Bồ Đào Nha đang đạt phong độ tốt; Một tay anh chị trong giới giang hồ.....*

Tóm lại, phương thức ẩn dụ và hoán dụ là hai phương thức chủ yếu để xây dựng THPTM từ các tín hiệu thẩm ngôn ngữ. Nhưng để có được giá trị và hiệu quả thẩm mỹ cao thì bên cạnh việc thực hiện hai phương thức trên còn phải phối hợp với một số biện pháp nghệ thuật khác như: các biện pháp về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp.

### 1.3.3. Những đặc tính của tín hiệu thẩm mỹ

#### 1.3.3.1. Tính đẳng cấu

Đỗ Hữu Châu cũng đã khẳng định: “Rất nhiều THPTM được sử dụng trong văn học, trong hội họa, trong điện ảnh, trong âm nhạc như những tín hiệu đồng nghĩa (có thể là đồng cảm xúc), chỉ khác nhau ở sự thể hiện bằng các chất liệu riêng của từng ngành [4, tr.572] . Chẳng hạn, các từ thuyền và



bên là cái biểu hiện bằng ngôn ngữ của hai tín hiệu *thuyền, bến*. Hai tín hiệu này xuất hiện trong một bức vẽ, trong một cuốn phim và trong các bài hát: con thuyền không bến, con thuyền xa bến,... bằng hình vẽ, bằng hình ảnh hay bằng chuỗi âm thanh có nhạc tính,... Như vậy, một tín hiệu thẩm mỹ của một nền văn hóa có thể chuyển hóa vào nhiều ngành nghệ thuật qua chất liệu, phương tiện đặc trưng của từng ngành này.

Tính đẳng cấu của THPTM không chỉ biểu hiện qua các ngành nghệ thuật khác nhau mà còn qua từng hệ thống, từng kết cấu, từng lần xuất hiện khác nhau của các TH trong hệ thống. Theo Phạm Thị Kim Anh: “Nghĩa của từng tín hiệu là khác nhau, quan hệ nghĩa giữa các tín hiệu trong từng cặp cũng khác nhau, song nếu cùng đặt vào trong một hệ thống nào đó, chúng lại có quan hệ, ý nghĩa, cảm xúc giống nhau”. [1, tr.20 ]

Điều này cho phép chúng ta đặt các tín hiệu trong quan hệ với các yếu tố cấu thành tác phẩm, ở phương diện trực tuyến, lại có thể xem xét trên trục đồng đại hay lịch đại. Đó cũng là cơ sở cho quan hệ lựa chọn và quan hệ kết hợp.

#### *1.3.3.2. Tính cấp độ*

Các nhà nghiên cứu có quan điểm về phân chia cấp độ THPTM khác nhau. Có quan điểm phân biệt THPTM với hình tượng thẩm mỹ, khi đó THPTM là các yếu tố tạo nên hình tượng thẩm mỹ. Mở rộng khái niệm THPTM thì toàn bộ hệ thống thẩm mỹ cũng là một tín hiệu thẩm mỹ.

Đỗ Hữu Châu phân biệt THPTM ở hai cấp độ cơ bản sau:

a) Cấp cơ sở: THPTM ứng với một chi tiết, một sự vật, hiện tượng thuộc thế giới khách quan, ví dụ: Mặt trời, Con thuyền, Nỗi nhớ v.v. Đó là những tín hiệu thẩm mỹ đơn hay THPTM cơ sở có chức năng tham gia cấu tạo nên những THPTM ở cấp độ cao hơn trong tác phẩm. Tín hiệu thẩm mỹ đơn được tạo nên bằng các từ hay cụm từ, có thể là những từ ngữ, thành ngữ, điển cố

hay những hình ảnh đơn lẻ, mang ý nghĩa thẩm mỹ. Đỗ Hữu Châu viết: “Phương tiện sơ cấp của văn học là các tín hiệu thẩm mỹ. Rồi cái THPTM đó mới được thể hiện bằng các tín hiệu ngôn ngữ thông thường...” [4, tr.564]

b) Cấp độ xây dựng: THPTM ứng với nhiều sự vật, hiện tượng...được xây dựng từ những tín hiệu đơn nhưng ý nghĩa không phải là kết quả của phép cộng đơn giản những tín hiệu thẩm mỹ đơn. Loại tín hiệu phức được tạo ra để biểu hiện những ý nghĩa thẩm mỹ mới trong tác phẩm văn chương.

F. de Saussure đã chỉ ra rằng: “Thường chúng ta không nói bằng những tín hiệu riêng lẻ mà bằng nhóm những tín hiệu, bằng khối có tổ chức cũng là tín hiệu” [13, tr.153]. Nói cụ thể hơn, THPTM phức là tổ hợp của nhiều tín hiệu đơn (mang ý nghĩa thẩm mỹ); đó có thể là những hình tượng văn học, hình tượng nhân vật trong tác phẩm kể cả một tác phẩm đồ sộ.

Tín hiệu thẩm mỹ được nghiên cứu trong luận văn của chúng tôi là loại tín hiệu cấp cơ sở: *Trăng, cánh đồng*. Các tín hiệu này được thể hiện cụ thể, đa dạng, phức tạp hóa bằng các hình thức ngôn ngữ nhất định.

#### 1.3.3.3. Đặc tính tác động

Đặc tính này có cơ sở từ bản chất của tín hiệu như ý kiến của P.Guiraud mà chúng tôi đã từng dẫn lại ở trên: “Một tín hiệu là một kích thích mà tác động của nó đến cơ thể gọi ra hình ảnh kí ức của một kích thích khác”. Hiệu quả tác động của THPTM trước hết là hình thành nên những hình tượng nghệ thuật. Như vậy có thể hiểu, hình tượng nghệ thuật, đó là sản phẩm của thế giới tinh thần được THPTM làm dậy lên trong thế giới chủ thể tiếp nhận. Tuy nhiên, việc đòi hỏi tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm phải có một khả năng tác động như nhau đến toàn thể công chúng là một điều khó có thể xảy ra. Chẳng hạn, một người nông dân bình thường không thể cảm nhận được ý nghĩa thẩm mỹ khi đọc một bài thơ như các nhà thơ, và càng không thể bằng một nhà nghiên cứu phê bình văn học.

#### *1.3.3.4. Tính biểu hiện*

Đây là đặc tính quan trọng lên quan đến sự thực hiện chức năng chung của nghệ thuật - đó là chức năng phản ánh hiện thực. THPTM phải mang nội dung hiện thực nhất định, phải gắn với hiện thực. Điều này có nghĩa là mỗi tín hiệu thẩm mỹ ứng với một sự vật, hiện tượng thuộc thế giới vật chất hay tinh thần.

Vấn đề nói trên có cơ sở từ đặc tính của TH nói chung. Theo F. de Saussure, "...tín hiệu là một thực thể có hai mặt nội dung và hình thức không tách rời nhau; trong đó dấu hiệu vật thể có vai trò rất quan trọng đối với người tiếp nhận. Nếu không có nội dung thì không có gì để truyền đạt; và nếu có nội dung nhưng không qua lời nói, chữ viết thì người tiếp nhận cũng không thể biết được nội dung mà người nói muốn truyền đạt." [13, tr.105 ]

#### *1.3.3.5. Tính biểu cảm*

Đặc tính này thể hiện chức năng thông báo của THPTM trong mối quan hệ của nó với nhân tố người viết (hay tác giả). Để đạt đến một giá trị thẩm mỹ nhất định, THPTM không thể chỉ dừng ở nội dung đơn thuần tái tạo hiện thực. Ngoài những thông tin về hiện thực, THPTM còn thông tin về những cảm xúc, tâm trạng nhất định của người nghệ sĩ với bạn đọc. Chính vì vậy, nằm trong cấu trúc của THPTM, tính biểu cảm là một đặc tính quan trọng, mang dấu ấn chủ quan của người sáng tác. M.B.Khrapchenco đã chỉ ra rằng "có một hệ số cảm xúc nhất định, một cơ cấu cảm xúc thuộc cấu trúc THPTM". Theo tác giả, "cảm xúc vừa là cái để truyền đạt trong THPTM vừa là cái xác định gián tiếp các đối tượng và hiện thực làm cơ sở cho việc hiểu một THPTM" [25, tr.23]. Chẳng hạn, trong những câu thơ sau của Tố Hữu, chúng ta thấy không chỉ có *cát, nắng, gió* của xứ Thanh mà còn có cả niềm cảm xúc dâng trào của nhà thơ khi ông trở lại vùng quê xưa, nơi có những người mẹ đã từng che chở, nuôi dưỡng mình trong những năm kháng chiến:

*Tôi trở về quê mẹ nuôi xưa  
Một buổi trưa nắng dài bãi cát  
Gió lộng xôn xao sóng biển đu đưa  
Mát rượi lòng ta ngân nga tiếng hát...*

(Tố Hữu)

Trong THTM, cảm xúc - vốn là tình cảm chủ quan của chủ thể sáng tạo, đã được khách quan hoá thành một thành phần quan trọng trong cơ cấu nghĩa của tín hiệu.

Cùng một nội dung hiện thực nhưng nếu với ý nghĩa biểu cảm khác nhau thì sẽ tạo nên cái mới, cái sinh động, cụ thể và riêng biệt cho THTM trong mỗi lần xuất hiện.

#### *1.3.3.6. Tính biểu trưng*

Tính biểu trưng là đặc tính của THTM khi xem xét trong mối quan hệ giữa cái biểu hiện và cái được biểu hiện. Liên quan đến năng lực biểu trưng hóa các yếu tố, các chi tiết, các sự vật, hiện tượng được đưa vào làm THTM trong tác phẩm. Theo *Từ điển tu từ phong cách học Tiếng Việt* của Nguyễn Thái Hòa tính biểu trưng là khả năng khêu gợi ra một đối tượng khác ngoài sự thể hiện cụ thể của dấu hiệu đó và được cộng đồng chấp nhận.

Ch. S. Pierce cho rằng: “*Biểu trưng có quan hệ với đối tượng của nó chỉ qua một nghĩa có tính chất ước lệ mà người ta gán cho nó trong một hoàn cảnh nào đó... nghĩa là do con người trong cộng đồng đặt ra mà thôi*” [9. tr. 186]. Biểu trưng, một mặt có tính hình tượng cụ thể, cái biểu hiện nó là một đối tượng nào đó được quy chiếu từ hiện thực. Mặt khác, đó là những ý nghĩa xã hội nào đó được cả cộng đồng chấp nhận. Tính chất ước lệ chung cho cái biểu hiện này chính là tính có lí do trong THTM nói chung. Đặc tính này còn cho thấy lối tư duy, quan niệm xã hội... gắn với một cộng đồng chấp nhận như vừa được nói tới.

**Ví dụ:** Hình ảnh con cò trong ca dao Việt Nam thường gắn với thân phận thấp bé:

*Con cò mà đi ăn đêm*

*Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.*

Hay gắn với đức tính chịu thương, chịu khó:

*Cái cò lặn lội bờ sông*

*Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non.*

Có khi lại được biểu hiện là thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa vất vả, lam lũ một nắng hai sương lo cho chồng con..

Cũng có tính biểu trưng mà hiệu lực, giá trị của THTM thuộc vào cách tri nhận, cách giải thích theo một thiên hướng nào đấy, một quy ước nào đấy của cả cộng đồng, có khi lại trái ngược với cộng đồng khác.

#### *1.3.3.7. Tính truyền thống và cách tân*

Tính truyền thống hay chính là tính dân tộc. Tính dân tộc trước hết được thể hiện ở chất liệu đậm đà bản sắc dân tộc của nó, đó chính là ngôn ngữ dân tộc. Văn chương được sáng tác bằng ngôn ngữ dân tộc, bằng các tín hiệu của ngôn ngữ dân tộc, do đó mang tính dân tộc.

Ví dụ: Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du đã dùng chất liệu ngôn ngữ dân tộc là chữ Nôm để sáng tác, dùng thể loại thơ lục bát cũng của dân tộc và dùng rất nhiều tín hiệu thẩm mỹ của dân tộc Việt Nam để đưa vào trong tác phẩm.

Ngoài ra, tín hiệu thẩm mỹ mang tính dân tộc còn thể hiện trên bình diện ngữ nghĩa của các tín hiệu thẩm mỹ. Nguồn gốc của các tín hiệu thẩm mỹ là các sự vật, sự việc, hiện tượng, trạng thái tâm lí của con người. Những đối tượng đó chính là thuộc về môi trường tự nhiên hay xã hội của một cộng đồng dân tộc, gắn bó mật thiết với cộng đồng dân tộc.

**Ví dụ:**

*Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!  
Trần thế em nay chán nửa rồi,  
Cung quế đã ai ngồi đó chưa?  
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.  
Có bầu, có bạn, can chi tủi,  
Cùng gió cùng mây, thế mới vui.  
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,  
Tựa nhau trông xuống thế gian, cười.*

*(Muốn làm thằng Cuội – Tản Đà)*

Các tín hiệu thẩm mỹ cá thể rõ rệt, thể hiện cá tính và phong cách nghệ thuật của Tản Đà: hồn thơ nông. Nhưng các tín hiệu đó mang bản sắc dân tộc sâu sắc, rõ nét. Ngay từ ngữ, lối nói thể hiện hồn dân tộc (*chị, em; đã... chưa...; có bầu có bạn;...*). Quan trọng nhất là các tín hiệu thẩm mỹ đó còn gắn liền với hàng loạt quan niệm, phong tục, nếp nghĩ của người Việt Nam như: quan niệm mặt trăng có cây đa thằng cuội, hoặc có cây quế, gọi mặt trăng là chị Hằng, coi ngày rằm tháng tám là ngày Tết Trung thu... Tất cả đều nhuộm màu sắc văn hóa dân tộc.

Tính dân tộc trong tín hiệu thẩm mỹ còn có trong các cách nhìn, nếp cảm, sự tri nhận mang bản sắc của một cộng đồng dân tộc.

**Ví dụ:** THPTM trong *Sự tích trầu cau* của truyện cổ tích Việt Nam có chất liệu từ các sự vật như: trầu, cau, tục lệ ăn trầu của người Việt. Nhưng các tín hiệu đó còn được xây dựng dựa trên cơ sở một tình cảm hết sức cao đẹp và đáng trân trọng của con người Việt Nam đó là: quan hệ, tình cảm anh em gắn bó, keo sơn; vợ chồng thủy chung, son sắt. Vì thế, ý nghĩa thẩm mỹ cao quý của các tín hiệu thẩm mỹ trầu cau đó là tình cảm, quan hệ, ứng xử trong các mối quan hệ gia đình và cả cộng đồng.

Như vậy, các THPTM đều biểu hiện rõ đặc trưng văn hóa dân tộc mang

tính truyền thống dân tộc sâu sắc. Còn tính cách tân chính là tính cá thể, cái sáng tạo riêng của từng tác giả. Tín hiệu mang tính cá thể tức là tín hiệu thẩm mỹ do cá nhân sáng tạo ra, mang nét riêng của người sáng tạo, thể hiện cái mới, cái không lặp lại. Với sự sáng tạo cá nhân của tác giả, nhiều tín hiệu thẩm mỹ rất độc đáo, do đó có sức hấp dẫn và giá trị nghệ thuật cao.

Có những tín hiệu thẩm mỹ được nhiều tác giả sử dụng từ cùng một nguồn gốc hiện thực, từ cùng một tín hiệu ngôn ngữ, nhưng chúng vẫn là tín hiệu thẩm mỹ khác nhau, mang nét riêng, và có giá trị nghệ thuật riêng.

**Ví dụ:** Cùng là tín hiệu *tre* nhưng ở bài thơ *Tre Việt Nam* của Nguyễn Duy và bài kí *Cây tre Việt Nam* của nhà văn Nguyễn Tuân lại mang nét riêng cả về mặt cái biểu hiện và cả về cái được biểu hiện. Trong bài thơ *Tre Việt Nam* – Nguyễn Duy, tín hiệu thẩm mỹ *tre* thể hiện hình ảnh con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam với tất cả những biểu hiện đặc trưng từ ngàn đời nay như: tính chịu thương, chịu khó (*Rễ siêng không ngại đất nghèo – Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù*), sự đùm bọc, che chở, tương thân tương ái (*Bão bùng thân bọc lấy thân – Tay ôm tay níu tre gần nhau hơn*), về ý chí bất khuất, kiên cường (*Nồi tre đâu chịu mọc cong – chưa lên đã thẳng như chông lạ thường*) (*Tre Việt Nam* – Nguyễn Duy).

Có khi, những tín hiệu có cùng một cái biểu đạt, do cùng một tác giả tạo ra trong những ngữ cảnh khác nhau, vẫn mang những nét riêng, không lặp lại, để thể hiện những ý nghĩa thẩm mỹ khác nhau.

**Ví dụ:** Tín hiệu *trăng* trong *Truyện Kiều*, khi là “*vàng trăng vàng vạc giữa trời*” như một đấng thiêng liêng chứng giám cho mối tình trong sáng giữa Thúy Kiều và Kim Trọng; khi là “*trăng mới*” để chỉ vẻ non tươi, mới mẻ trên khuôn mặt (*Mày ai trăng mới in ngần*). Khi là “*trăng tàn*” (*Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa*) ám chỉ những ngày tháng ở cuối chặng đường đời...

Có những trường hợp, tư tưởng thẩm mỹ, thông điệp thẩm mỹ của

những tác giả khác nhau lại có những nét tương đồng, gần gũi nhau. Tuy vậy, mỗi tín hiệu là một sản phẩm riêng, không thể lẫn lộn và không lặp lại của mỗi tác giả.

**Ví dụ:** Bài thơ *Nhớ rừng* của Thế Lữ và bài thơ *Ông đồ* của Vũ Đình Liên, ta thấy, cả hai bài thơ đều mang chung về mặt ý nghĩa thẩm mỹ: thể hiện sự hoài niệm, nuối tiếc một thời quá khứ huy hoàng, vàng son. Trong bài thơ *Nhớ rừng*, tác giả dùng tín hiệu hiệu thẩm mỹ *con hổ* thể hiện quá khứ oanh liệt của chúa sơn lâm, nay bị kìm hãm trong vườn thú. Bài thơ cấu tứ theo những tâm trạng, những suy nghĩ, lời nói của bản thân con hổ về quá khứ vàng son của mình.

Như vậy, có cái mới trong cách sử dụng THPTM của các tác giả có thể được thể hiện ở việc xây dựng một THPTM hoàn toàn mới, nhưng chủ yếu vẫn là ở sự cách tân các THPTM, ở việc đổi mới các THPTM có sẵn trong truyền thống, mang lại cho chúng những ý nghĩa thẩm mỹ mới. Điều này chỉ có được thông qua sự sáng tạo của người nghệ sĩ.

#### 1.3.3.8. Tính hệ thống

Tín hiệu nói chung và tín hiệu thẩm mỹ nói riêng bao giờ cũng thuộc về một hệ thống nhất định, bởi vậy nó chịu sự chi phối của những yếu tố khác trong cùng hệ thống thông qua những quan hệ nhất định.

F. de Saussure đã chỉ ra rằng: “Thường người ta không nói bằng tín hiệu riêng lẻ, mà bằng từng nhóm tín hiệu, từng khối có tổ chức vốn cũng là tín hiệu”. [13, tr.107]. Và khi nói đến vấn đề tính có tổ chức ở lĩnh vực này, ta không thể không nói đến tính hệ thống - một đặc tính làm nên bản chất tín hiệu của ngôn ngữ. Theo Nguyễn Lai, khi nói đến tính hệ thống của ngôn ngữ, bên cạnh cách nhìn theo hướng lịch đại dĩ nhiên ta còn phải nhìn nó theo hướng đồng đại. Đối lập trong bản thân nó và đối lập với cái xung quanh nó,... [18, tr.35-36]. Trong ngôn ngữ, đó chính là tính hình tuyến của tín hiệu.



Chẳng hạn, trong ngôn ngữ toàn dân, *khéo* đối lập với *thô vụng*, nhưng trong cách nói của Nguyễn Du thì lại thể hiện một sắc thái mỉa mai hết sức tinh tế: “Trăm năm trong cõi người ta/Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau”. Như vậy, do áp lực của các nhân tố xung quanh (tính hình tuyến) mà nghĩa của tín hiệu có thể có những biến đổi nhất định. Hay ví dụ:

*Em không nghe mùa thu*

*Dưới trăng mờ thỏn thức*

*(Luu Trọng Lư)*

Từ **nghe** vốn là để nói về một hoạt động tiếp nhận âm thanh bằng thính giác, nhưng ở đây nó lại được dùng để nói về những rung động sâu lắng trong hồn người trước vẻ đẹp quyến rũ của mùa thu. Nghĩa của từ **nghe** có sự biến đổi so với ngữ nghĩa thông thường là do tác giả đã sáng tạo đặt nó trong kết hợp với *mùa thu*. Nếu thay thế *mùa thu* bằng loại sự vật, hiện tượng như: nhạc, tiếng mưa... thì không thể có cách hiểu như trên. Thực chất là nghĩa của từ đã chịu sự chi phối của những yếu tố trong hệ thống. Có thể suy ra là nghĩa cụ thể của ngôn ngữ chỉ có thể được xác định thông qua một tập hợp nhiều từ. Điều đó đòi hỏi không chỉ đối với người sử dụng ngôn ngữ như là tín hiệu mà ngay cả với người tiếp nhận thì cũng đòi hỏi phải nhận ra tập hợp có tính hệ thống trên. Trong *Truyện Kiều* Nguyễn Du viết: *Lửa tâm càng dập càng nồng*. Thông thường không ai nói *dập cơn ghen* nhưng khi kết hợp với *lửa* thì rõ ràng là phải có *dập*. Chính tính hệ thống là cơ sở của tính sáng tạo trong sử dụng ngôn ngữ, tạo ra được sự cộng hưởng ngữ nghĩa giữa các yếu tố ngôn ngữ, mang lại những giá trị mới cho tín hiệu ngôn ngữ.

#### **1.3.4. Tín hiệu thẩm mỹ và ngôn ngữ văn học**

Các yếu tố của hiện thực muốn trở thành THTM trong tác phẩm văn học phải nhờ có ngôn ngữ biểu đạt. Cấu trúc đặc biệt của hệ thống TH ngôn ngữ cho phép mỗi hình thức ngôn từ có thể phản ánh, biểu đạt được một sự

vật, hiện tượng nào đó thuộc hiện thực khách quan cũng như từng hiện tượng thuộc thể giới tinh thần của con người. Nhờ vậy, chủ thể tiếp nhận có thể lĩnh hội được từ văn học những hiện thực trực tiếp thông qua ngôn từ và chính nhờ thế mà ngôn từ trở thành chất liệu, thành phương tiện để xây dựng nên tác phẩm văn chương. Rõ ràng là ngôn ngữ được sử dụng trong tác phẩm văn học vừa là chính nó, lại cũng vừa là cái biểu hiện cho THPTM, mang những nội dung thuộc THPTM (tức ý nghĩa thẩm mỹ). Cùng một dấu hiệu hình thức (thể chất) nhưng mang hai giá trị khác nhau: giá trị TH ngôn ngữ (thuộc hệ thống ngôn ngữ) và giá trị THPTM (thuộc hệ thống của tác phẩm văn học). Hai giá trị này có sự tác động, chi phối lẫn nhau, tạo thành đặc tính riêng của ngôn ngữ văn học so với thứ ngôn ngữ thông thường (ngôn ngữ tự nhiên). Có thể nói rằng, nói đến ngôn ngữ văn học là nói đến ngôn ngữ trong những phẩm chất thẩm mỹ của nó, nói đến sự vượt chuẩn mực của nó so với ngôn ngữ thông thường. Có thể đồng tình với quan niệm cho rằng ngôn ngữ văn học là ngôn ngữ - THPTM, mang những đặc tính của THPTM, những nội dung của THPTM. Chính các từ ngữ xưa nay được gọi là các “nhân tự”, các “thần cú”, hay các từ ngữ được sử dụng như những yếu tố mang tính ước lệ, tượng trưng, các điển cố văn học, các yếu tố ngôn ngữ được sử dụng trong lối chơi chữ của văn học... chính là những yếu tố ngôn ngữ - THPTM như vậy.

Mặt khác, như đã nói trên đây, quan hệ hằng thể - biến thể của THPTM còn được biểu hiện thành quan hệ giữa các TH chỉnh thể và TH bộ phận (chẳng hạn, giữa *núi, non* với *đèo, dốc*; giữa *thuyền* với *cánh buồm, mái chèo...*), quan hệ giữa các TH trừu tượng với các TH cụ thể, mang những đặc điểm về trạng thái, tính chất, quan hệ cụ thể khác nhau (chẳng hạn, giữa *núi* nói chung với *núi cao, núi hiểm, núi Tản, núi Đọi, núi cao biển rộng, hang sâu núi hiểm, núi* với *chim, núi* với *cây, núi* với *con người* v.v...). Trong

văn học, mối quan hệ này được bộc lộ qua mối quan hệ giữa một bên là một yếu tố ngôn ngữ biểu đạt hằng thể của THPTM (từ *núi* chẳng hạn) với một bên là những yếu tố ngôn ngữ mang nội dung ngữ nghĩa cụ thể hơn: các từ đồng nghĩa biểu vật, biểu niệm (*đèo, dốc*), các cụm từ miêu tả - cụ thể hoá (*núi cao, núi thẳm...*), các kết cấu diễn đạt mối quan hệ giữa tín hiệu hằng thể với các tín hiệu khác cùng xuất hiện (chẳng hạn, *chim bay về tổ, núi cao, biển rộng sông dài*). Chính sự biến đổi về hình thức ngôn ngữ biểu đạt của THPTM trong kết cấu văn bản tác phẩm văn học thường xảy ra cùng với sự biến đổi về nội dung thẩm mỹ được biểu đạt, mang lại cái mới, cái cụ thể, sinh động cho THPTM trong mỗi lần xuất hiện của nó.

### ***1.3.5. Hằng thể và các biến thể của THPTM trong tác phẩm văn chương***

THPTM có thể tồn tại ở hai dạng thức: hằng thể và biến thể.

\* **Hằng thể**: là dạng diễn hình nhất, phổ biến nhất, nhưng cũng là dạng đơn giản nhất về hình thức. Mỗi hằng thể thường tập hợp xung quanh mình hàng loạt biến thể để tạo nên hệ thống.

Ví dụ: hằng thể của tín hiệu thẩm mỹ là *mắt*, có cái biểu đạt là *mắt*:

*Giàu hai con mắt, khó đôi bàn tay.*

**(tục ngữ)**

*Trời sanh con mắt là gương.*

*Người ghét ngó ít, người thương ngó nhiều.*

**(ca dao)**

\* **Biến thể**: là dạng biểu hiện tuy khác biệt về hình thức biểu đạt với hằng thể nhưng cùng chung hoặc có mối liên hệ mật thiết về ý nghĩa với hằng thể. Trong văn chương, có hai loại biến thể:

- **Biến thể từ vựng**: đó là những từ ngữ khác biệt về hình thức âm thanh với các hằng thể nhưng cùng biểu hiện một ý nghĩa như hằng thể. Đó có

thể là các biến thể ngữ âm, biến thể địa phương hay những từ ngữ gốc ngoại, hoặc từ ngữ phái sinh.

Ví dụ: biến thể từ vựng của tín hiệu *mắt*: *nhãn, mục, cửa sổ tâm hồn, mắt mũi...*

*Anh đây mục hạ vô nhân.*

*Nghe em xuân sắc mùi phân não nùng.*

**(Ca dao)**

*Mắt mũi để đâu mà xô vào người ta thế.*

**(Tư diễn tiếng Việt)**

- **Biến thể kết hợp**: là tất cả những từ ngữ cùng một trường nghĩa với hăng thể và có thể kết hợp theo trục ngang với từ ngữ - hăng thể. Về mặt từ loại, biến thể kết hợp có thể là danh từ, cụm danh từ, động từ, cụm động từ, tính từ, cụm tính từ,... Về mặt ý nghĩa, các biến thể kết hợp của một hăng thể tuy cùng trường nghĩa với hăng thể, nhưng có những ý nghĩa cụ thể đa dạng.

Ví dụ: đối với THPTM *mắt*, biến thể kết hợp có thể là những từ ngữ biểu hiện:

Hình dáng của mắt: *mắt lá rằm, mắt phượng, mắt óc nhồi, mắt bồ câu, mắt lươn, mắt dài, mắt ti hí...*

*Những người con mắt là rằm,*

*Lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền.*

**(Ca dao)**

Màu sắc của mắt: *mắt xanh, mắt huyền, mắt nâu, mắt đen...*

*Người khôn con mắt đen sì,*

*Người dại con mắt nửa chì nửa thau.*

**(Ca dao)**

*Cô bé nhà bên – (có ai ngờ)*

*Cũng vào du kích*

*Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích  
Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi).*

**(Giang Nam)**

Trạng thái của mắt: *mắt tinh, mắt lòa, mắt mù, mắt đui...*

*Thà đui mà giữ đạo nhà  
Còn hơn có mắt ông cha không thờ.*

**(Nguyễn Đình Chiểu)**

Hoạt động của mắt: *nhìn, trông, liếc, ngó, nhòm...*

*Thiếp danh đưa đến lầu hồng  
Hai bên cùng liếc hai lòng cùng ưa.*

**(Truyện Kiều)**

Có thể nói, hăng thể và biến thể của tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn chương có mối quan hệ thống nhất và góp phần làm nên chính thể là tác phẩm.

#### **1.4. Tác giả Nguyễn Quang Thiều**

##### **1.4.1. Tiểu sử.**

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều sinh ngày 13 tháng 02 năm 1957 tại làng Chùa, xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội); hiện sống tại thành phố Hà Đông. Tốt nghiệp đại học ở Cuba.

Ông từng làm việc tại tuần báo Văn Nghệ, Tuần Việt Nam (tuanvietnam.vn thuộc báo điện tử Vietnamnet.vn), ủy viên Hội đồng thơ và đang là Phó chủ tịch Hội, trưởng ban sáng tác, Giám đốc Trung tâm dịch thuật văn học Hội nhà văn Việt Nam khóa VII – IX, Phó tổng thư ký thứ nhất Hội nhà văn Á - Phi và Mỹ La Tinh.

Từ ngày 10 tháng 05 năm 2017, nhà thơ Nguyễn Quang Thiều còn được bổ nhiệm làm Giám đốc kiêm Tổng biên tập NXB Hội Nhà Văn.

Bắt đầu viết từ năm 1983, Nguyễn Quang Thiều là cây bút đa năng và

sung sức, xuất hiện thường xuyên trên văn đàn, báo chí. Ông nhanh chóng nổi lên như một nhà thơ trẻ cách tân hàng đầu thế hệ mình. Bên cạnh thơ, Nguyễn Quang Thiều cũng ghi dấu ấn về văn xuôi, tiểu luận, dịch thuật và góp phần quan trọng quảng bá văn học Việt Nam ra thế giới.

#### ***1.4.2. Sự nghiệp văn học***

##### **Quan niệm nghệ thuật**

Khi cầm bút, Nguyễn Quang Thiều đã xác lập cho mình một quan niệm nghệ thuật khá rõ ràng. Nhà thơ từng nói rằng “tôi viết rất nhiều thể loại như truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch sân khấu, kịch bản phim, tiểu luận, báo chí... Nhưng thơ ca là nơi duy nhất để tôi giải phóng tôi và để tôi trú ẩn. Một điều tôi muốn nói đến là: có thể những bài thơ cụ thể nào đó không cứu rỗi được cả thế giới nhưng những gì mang tinh thần của thơ ca đã và đang cứu rỗi thế giới”. Với nhà thơ điều quan trọng nhất của thơ là tạo ra sự ám ảnh và điều tệ hại nhất là thiếu trí tưởng tượng. Là một người luôn có những sáng tạo và sức viết dồi dào, Nguyễn Quang Thiều cũng đặt ra yêu cầu đối với người nghệ sĩ “Hãy sống, hãy ước mơ và sáng tạo không ngưng nghỉ trong im lặng nếu không có lí do để than thở”.

##### **Tác phẩm đã xuất bản**

###### **Thơ**

1. Ngôi nhà tuổi 17, 1990
2. Sự mất ngủ của lửa, 1992, tái bản 2016
3. Những người đàn bà gánh nước sông, 1995
4. Những người lính của làng, 1996
5. Thơ Nguyễn Quang Thiều, 1996
6. Nhịp điệu châu thổ mới, 1997
7. Bài ca những con chim đêm, 1999
8. Thơ tuyển cho thiếu nhi, 2004

9. Cây ánh sáng, 2009

10. Châu thổ, 2010

### **Văn xuôi**

1. Vòng nguyệt quế cô đơn, 1991

2. Cỏ hoang, tiểu thuyết, 1992

3. Tiếng gọi tình yêu, 1993

4. Kẻ ám sát cánh đồng, 1995

5. Người đàn bà tóc trắng, truyện ngắn, 1996

6. Đứa con của hai dòng họ, truyện ngắn, 1997

7. Truyện ngắn Nguyễn Quang Thiều, 1998

8. Người cha, truyện thiếu nhi, 1998

9. Bí mật hồ cá thần, truyện thiếu nhi, 1998

10. Con quỷ gỗ, truyện thiếu nhi, 2000

11. Ngọn núi bà già mù, truyện thiếu nhi, 2001

12. Người nhìn thấy trăng thật, truyện ngắn 2003

13. Người, chân dung văn học (in chung), 2008

14. Ba người, chân dung văn học (in chung), 2009

15. Có một kẻ rời bỏ thành phố, tiểu luận, 2010

16. Người kể chuyện lúc nửa đêm và những giấc mộng, tạp văn, 2016

17. Mùi kí ức, tùy bút, 2017

### **Sách dịch**

1. Khoảng thời gian không ngủ, thơ Mỹ, 1997

2. Chó hoàng Đingô, truyện ngắn Australia, 1995

3. Năm nhà thơ hiện đại Hàn Quốc, 2002

Ngoài ra, Nguyễn Quang Thiều còn viết kịch bản sân khấu, kịch bản điện ảnh và hơn 500 bài báo, bút ký, ghi chép, tiểu luận... với các bút danh như Trục Ngôn, Vương Thảo, Hạnh Nguyên, Hoàng Lê...

Thơ và truyện ngắn của Nguyễn Quang Thiều đã được in thành sách và được giới thiệu trên các tạp chí và các báo ở các nước như Mỹ, Pháp, Nga, Úc, Ireland, Nhật Bản, Hàn Quốc, Venezuela, Colombia, Na Uy, Thụy Điển, Malaysia, Thái Lan...

### **Giải thưởng văn học**

- Giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam năm 1993 cho tập thơ *Sự mất ngủ của lửa*.

- Giải thưởng Final cho tập thơ *The women Carry River Water* của The National Literary translators Association of America năm 1998.

Với những đóng góp ấy, Nguyễn Quang Thiều nhận được những lời đánh giá rất cao: “*Nguyễn Quang Thiều là một tác giả đa tài, sáng tác thơ, văn xuôi, làm báo và anh từng cùng làm với tôi ở báo Văn Nghệ, thuở đó tôi còn thấy anh vẽ tranh. Nhưng ấn tượng nhất với tôi vẫn là Nguyễn Quang Thiều thi sĩ – một thi sĩ nổi bật trong làng thơ đương đại Việt Nam*”(nhà thơ Nguyễn Duy); “*Nhà thơ vừa xuất hiện đã tìm thấy giọng thơ riêng, là điều hiếm. Hiếm hơn nữa, khi giọng thơ đó có sức lan tỏa khá rộng. Với thế hệ đi sau ở miền Bắc, thơ Nguyễn Quang Thiều làm nên sự thể ấy*” (Nhà thơ Inrasara)



## Tiểu kết chương 1

Ở chương này, người viết đã đưa ra một số vấn đề cơ bản về lý thuyết THPTM và những tiền đề cơ bản, nền tảng hình thành nên THPTM *trắng, cánh đồng* trong thơ Nguyễn Quang Thiều. Đó cũng là cơ sở lí luận cho các chương tiếp theo.

Về lý thuyết THPTM, chúng tôi đã tập trung làm rõ mối quan hệ giữa tín hiệu ngôn ngữ và THPTM. Từ đó chỉ ra đặc điểm, bản chất của THPTM. Đồng thời đưa ra cách hiểu về THPTM theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

Từ khái niệm THPTM đó, chúng tôi đi tìm hiểu phương thức cấu tạo của THPTM. Các tín hiệu này thường được xây dựng trên hai phương thức chủ yếu là ẩn dụ và hoán dụ. Đồng thời tìm hiểu các đặc trưng cơ bản của THPTM như: tính truyền thống và cách tân, tính biểu trưng, tính cấp độ, tính hệ thống... Từ đó, tìm hiểu các biến thể của THPTM trong tác phẩm văn chương là: biến thể từ vựng và biến thể kết hợp.

Chúng tôi cũng tiến hành tìm hiểu về tác giả Nguyễn Quang Thiều trên những nét lớn: cuộc đời và sự nghiệp văn học. Ở đó chúng tôi nhận thấy, hoàn cảnh xuất thân và quan niệm nghệ thuật phần nào đã hình thành và chi phối đến việc xây dựng những THPTM trong thơ Nguyễn Quang Thiều. Có lẽ đó cũng là một cơ sở có tính định hướng khi đi sâu cảm nhận và phân tích thể giới thơ đặc biệt của ông.

## CHƯƠNG 2: ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO CỦA CÁC TÍN HIỆU THẨM MĨ “TRĂNG”, “CÁNH ĐỒNG” TRONG THƠ NGUYỄN QUANG THIỀU

Tiến hành khảo sát 144 bài thơ được tuyển in trong tập *Châu thổ*, chúng tôi thống kê được tần số xuất hiện của THTM *trăng*, *cánh đồng* trong thơ Nguyễn Quang Thiều như sau:

### 2.1. Kết quả thống kê số lần xuất hiện của các tín hiệu thẩm mỹ *trăng*, *cánh đồng*

**Bảng 2.1: Tần số xuất hiện của 2 tín hiệu *trăng*, *cánh đồng***

Tín hiệu	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ (%)
<b>Trăng</b>	55	35,5
<b>Cánh đồng</b>	100	64,5
<b>Tổng</b>	<b>155</b>	<b>100</b>

Qua bảng khảo sát cho thấy tín hiệu *cánh đồng* xuất hiện nhiều nhất 100 lần chiếm 64,5%; tín hiệu *trăng* xuất hiện 55 lần, chiếm 35,5%. Như vậy, tín hiệu *cánh đồng* chiếm số lượng lớn hơn nhiều so với tín hiệu *trăng*. Song mỗi tín hiệu lại có những kiểu kết hợp đặc biệt và có ý nghĩa biểu trưng khác nhau.

**Bảng 2.2: Số lượng bài thơ có sự xuất hiện của các tín hiệu *trăng*, *cánh đồng***

Tín hiệu	Số lượng bài thơ xuất hiện	Tỉ lệ (%)
<b>Trăng</b>	21/144	14,6
<b>Cánh đồng</b>	46/144	32

Từ bảng thống kê cho thấy, trong số 144 bài thơ chúng tôi tiến hành khảo sát, tín hiệu thẩm mỹ *cánh đồng* xuất hiện trong 46 bài thơ; tín hiệu *trăng* xuất hiện trong 21 bài thơ. Nhìn chung số lượng bài thơ mà các tín hiệu

*trăng, cánh đồng* xuất hiện tỉ lệ thuận với tần số xuất hiện của chúng theo bảng thống kê số 1 ở trên. Tín hiệu *cánh đồng* có số lần xuất hiện nhiều nhất (100 lần) thì số lượng tác phẩm có sự xuất hiện của tín hiệu gió cũng nhiều nhất 46/144 bài.

Để thấy rõ được tần số xuất hiện của các tín hiệu *trăng, cánh đồng* trong các bài thơ cụ thể, chúng tôi tiếp tục khảo sát thống kê ở cấp độ chi tiết hơn. Thống kê số lần xuất hiện của các tín hiệu *trăng, cánh đồng* trong các bài thơ, kết quả như sau:

**Bảng 2.3: Tần số xuất hiện của tín hiệu trăng trong các bài thơ.**

STT	Tên bài thơ	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ (%)
1	Dưới trăng và một bậc cửa	15	27,2
2	Đêm gần sáng	6	11
3	Những ví dụ	5	9
4	Chuyển động	4	7
5	Bản khai sinh lần 2	3	5,4
6	Hồi tưởng	3	5,4
7	Hai con hải cẩu	2	3
8	Bầy chó của tôi	2	3
9	Con Bông đen đẻ trứng	2	3
10	Nhịp điệu châu thổ mới	2	3
11	Nghe tiếng con chim cuốc	1	2
12	Sông Đáy	1	2
13	Mười một khúc cảm	1	2
14	Cánh buồm	1	2
15	Trên đại lộ	1	2

16	Bữa tối	1	2
17	Chuyên dịch màu đen	1	2
18	Đoản ca về buổi tối	1	2
19	Nhân chứng của một cái chết	1	2
20	Thư của một nhà thơ Việt thế kỉ 21 gửi các nhà thơ đời Đường	1	2
21	Thay lời nguyện cầu	1	2
	<b>Tổng</b>	<b>55</b>	<b>100</b>

Nhận xét: Qua bảng thống kê trên ta thấy tín hiệu trăng xuất hiện nhiều nhất trong các bài thơ “Dưới trăng và một bậc cửa” với 15 lần, (27,2%), tiếp đó là các bài thơ “Đêm gần sáng” 06 lần (11%), “Những ví dụ” 05 lần (9%) “Chuyển động” 4 lần (7%). Số bài thơ còn lại tín hiệu gió xuất hiện từ 1 đến 3 lần.

**Bảng 2.4: Tần số xuất hiện của tín hiệu cánh đồng trong các bài thơ.**

STT	Tên bài thơ	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ (%)
1	Hồi tưởng	12	12
2	Nhịp điệu châu thổ mới	10	10
3	Cây ánh sáng	6	6
4	Nhân chứng của một cái chết	5	5
5	Dòng sông	5	5
6	Có một con mèo hoang	4	4
7	Con Bống đen đẻ trứng	4	4
8	Linh hồn những con bò	4	4
9	Bài hát	2	2
10	Cánh đồng	2	2
11	Trong tiếng súng bắn tỉa	2	2
12	Văn bản lần thứ nhất	2	2

13	Độc thoại	2	2
14	Sau bậc cửa ngôi nhà vô hình	2	2
15	Ban mai	2	2
16	Bản tuyên ngôn của cơn mơ	2	2
17	Quyền phép của thời gian	2	2
18	Hoa hồng	2	2
19	Bữa tiệc	2	2
20	Bài ca trong đêm cuối cùng của năm cũ	2	2
21	Nhớ những em bé gái châu phi	1	1
22	Ban mai	1	1
23	Tháng Mười	1	1
24	Một bài hát tình yêu của người làng chùa	1	1
25	Mười một khúc cảm	1	1
26	Cánh đồng	1	1
27	Hòa âm của những đa bào	1	1
28	Bữa tối	1	1
29	Tôi khóc những cánh đồng khúc	1	1
30	Bức thư	1	1
31	Lời cầu nguyện	1	1
32	Thánh ca tĩnh lặng	1	1
33	Bình minh đang lên	1	1
34	Thanh minh	1	1
35	Mỗi sáng tôi mở cửa	1	1
36	Về những đồ vật có trên bàn viết	1	1

37	Chiếc bình gốm	1	1
38	Chuyên dịch màu đen	1	1
39	Bài ca những con chim đêm	1	1
40	Chúng ta có quyền ăn bữa tối	1	1
41	Bài ca ban mai trên những quả đồi Achill	1	1
42	Phác thảo Kevin Bowen	1	1
43	Trong khu vườn hoang tàn của quyền lực	1	1
44	Bàn tay của thời gian	<b>1</b>	1
45	0h17 phút	1	1
46	Chức thư	1	1
	<b>Tổng</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

Nhận xét: Qua bảng thống kê trên cho thấy tín hiệu *cánh đồng* xuất hiện trong 46 trên tổng số 144 bài thơ được khảo sát. Trong đó xuất hiện nhiều nhất ở bài thơ “Hồi tưởng” 12 lần (12%); bài “Nhịp điệu châu thổ mới” 10 lần (10%); Bài “Cây ánh sáng” 6 lần (10%); và “Nhân chứng của một cái chết”, “Dòng sông” xuất hiện 5 lần (5%); các bài “Có một con mèo hoang”, “Con Bống đen đẻ trứng”, “Linh hồn những con bò” cùng xuất hiện 4 lần (4%). Có 12 bài tín hiệu *cánh đồng* xuất hiện 2 lần; 26 bài xuất hiện 1 lần.

Tóm lại, từ kết quả thống kê cho thấy, số lần xuất hiện của các tín hiệu thẩm mỹ *trăng, cánh đồng* trong các bài thơ có sự khác nhau. Kết quả đó phần nào đã cho thấy hai tín hiệu *trăng, cánh đồng* là những hình ảnh mang tính biểu tượng, xuyên suốt trong các sáng tác thơ của Nguyễn Quang Thiều và làm nên đặc trưng phong cách thơ của tác giả. Khảo sát, đánh giá đặc điểm cấu tạo và các biến thể kết hợp của các tín hiệu này chúng ta tìm thấy những

đặc điểm nổi bật về phong cách ngôn ngữ của Nguyễn Quang Thiều.

## 2.2. Tín hiệu thẩm mỹ “trăng”

### 2.2.1. Biến thể từ vựng của tín hiệu thẩm mỹ “trăng”

Qua kết quả khảo sát, các tín hiệu thẩm mỹ cùng trường với trăng theo ý nghĩa biểu vật trong thơ Nguyễn Quang Thiều có tần số xuất hiện không nhiều và không mang ý nghĩa thẩm mỹ biểu trưng. Nếu các thi nhân khác gọi trăng bằng những biến thể từ vựng khác như: nguyệt, chị Hằng... thì trong sáng tác của Nguyễn Quang Thiều những biến thể ấy gần như không có. Bởi thế chúng tôi tập trung khảo sát biến thể kết hợp của THTM này.

### 2.2.2. Biến thể kết hợp của tín hiệu thẩm mỹ “trăng”

#### 2.2.2.1. Kết hợp trước (X + trăng)

Khảo sát biến thể kết hợp trước (X) + trăng, chúng tôi thu nhận được ba trường hợp có kết hợp với tín hiệu trăng:

(X) – Động từ

(X) – Danh từ

(X) – Quan hệ từ

(X) – Tính từ

Sau đây là các trường hợp cụ thể:

#### **\* Kết hợp: Động từ + trăng**

Câu thơ	Bài thơ
<i>Tuổi hai mươi ta nghe không ngủ được Lặng lẽ ra sân đứng <b>ngắm trăng</b> mờ</i>	Nghe tiếng con chim cuốc
<i>Bài hát vút lên xuyên qua đỉnh đầu những người mắc bệnh tâm thần mất ngủ <b>nhìn trăng</b></i>	Những ví dụ
<i>Những người mắc bệnh tâm thần mất ngủ <b>nhìn trăng</b> mở cửa</i>	Những ví dụ
<i>Bầy chó ơi, sửa vào đâu</i>	Bầy chó của tôi

<b><u>Sửa vào trăng</u></b>	
<i>Chúng ngoan ngoãn <b><u>liếm trăng</u></b> trên những chiếc thìa mạ bạc</i>	Dưới trăng và một bậc cửa
<i>Trong mơ chúng có <b><u>liếm trăng</u></b> trên vòm lá kia không ?</i>	Dưới trăng và một bậc cửa
<i>Những con chó ngửa mặt <b><u>tru trăng</u></b></i>	Dưới trăng và một bậc cửa
<i>Nó <b><u>vuốt trăng</u></b> trên mặt nhìn tôi</i>	Dưới trăng và một bậc cửa

- Nhận xét: Ở kết hợp (động từ + trăng) chúng ta thấy rằng đứng trước trăng là hàng loạt các động từ thể hiện hành động tác động vào trăng như: *ngắm, nhìn, vào, liếm, tru, vuốt*. Trong kiểu kết hợp này, trăng trở thành đối tượng chịu sự tác động của các sự vật khác: là đối tượng để nhìn ngắm, để yêu thương, để cảm nhận. Và như vậy, với Nguyễn Quang Thiều, trăng là một người bạn, là đối tượng để cảm nhận và giải bày những suy tư. Song kiểu kết hợp ấy còn hé mở điểm nhìn nghệ thuật và tâm thế của nhân vật trữ tình: Không chỉ nhìn trăng như một vật thể thiên nhiên, xa xôi và ngưỡng vọng mà trăng còn rất gần gũi để có thể tri giao, chủ động bày tỏ tình cảm và suy tư một cách thân tình.

**\* Kết hợp: Danh từ + trăng**

<b>Câu thơ</b>	<b>Bài thơ</b>
<i>Chỉ thấy có tiếng nước dâng lên, dâng lên mãi tràn ngập cả <b><u>đêm trăng</u></b></i>	Chuyên động
<i>Những người đàn bà góa bụa làng tôi – những ví dụ- chân không giày dép. Họ tránh những con đường dẫn đến những <b><u>đêm trăng</u></b></i>	Những ví dụ
<i>Trên bờ biển <b><u>đêm trăng</u></b></i>	Hai con hải cẩu



Màu da đen của họ ánh lên trong <b><u>đêm trăng</u></b>	Hai con hải cẩu
Đang mức từng <b><u>thìa trăng</u></b>	Dưới trăng và một bậc cửa
Dạt theo những lớp <b><u>sóng trăng</u></b>	Dưới trăng và một bậc cửa
Ngân trong cái <b><u>lưỡi trăng</u></b> chói sáng và sắc lẹm	Dưới trăng và một bậc cửa
Đang mức từng <b><u>thìa trăng</u></b>	Dưới trăng và một bậc cửa
Đang thêm thiệp trong <b><u>sa mạc trăng</u></b>	Dưới trăng và một bậc cửa
Nơi ấy <b><u>sóng trăng</u></b> đang vật vã	Dưới trăng và một bậc cửa
Bầy ốc sên bò qua vườn trong <b><u>ánh trăng chói gắt</u></b> như nắng trời mùa hạ	Chuyển động
<b><u>Ánh trăng im phắc</u></b> , những vòm cây im phắc	Chuyển động
Họ đi trên <b><u>ánh trăng gồ ghề</u></b> dọc con đường phoi đầy rơm rạ bên đường	Những ví dụ
Những chiếc dậm trên vai họ như <b><u>vàng trăng khuyết</u></b> vót từ bùn.	Trên đại lộ
<b><u>Vàng trăng khuya</u></b> dẫm nhòe nước biển	Đêm gần sáng
Trong <b><u>ánh trăng buốt lạnh</u></b> vọng về tiếng gọi	Hồi tưởng
Giờ chỉ còn đêm lặng câm trong <b><u>ánh trăng lạnh buốt</u></b>	Hồi tưởng
Ai lại <b><u>ném vàng trăng</u></b> ra khỏi sự bình yên	Bầy chó của tôi
<b><u>Nuôi tiếc vàng trăng đi</u></b>	Đêm gần sáng
Ai ném xuống trời một <b><u>vàng trăng cuối tháng</u></b>	Cánh buồm
Tôi như tan vào đêm cùng cỏ cây, <b><u>trăng gió</u></b>	Đêm gần sáng
Chiếc <b><u>khuy đồng vàng trăng</u></b> có thể nào sắp tắt	Đêm gần sáng
Tôi muốn có <b><u>sáu vàng trăng</u></b> , sáu khuy đồng	Đêm gần sáng

<i>lấp lánh</i>	
<i>Rồi <b>vàng trắng trên</b> bầu trời khô hạn</i>	Bữa tối
<i>Một <b>bánh mặt trăng</b></i>	Con Bống đen đẻ trứng
<i>Những đám mây chậm chậm vắt ngang qua <b>ánh sáng vàng trắng</b></i>	Đoản ca về buổi tối
<i><b>Ánh trăng như đóng băng</b>, cái bóng dửng lại, nhìn về</i>	Hồi tưởng

- Nhận xét: Ở kết hợp này chúng ta thấy tín hiệu *trăng* lặp lại với rất nhiều cách định danh khác nhau: là *đêm trăng, thìa trăng, sóng trăng, lưỡi trăng, sa mạc trăng*. Nguyễn Quang Thiều đã nhìn trăng và gọi trăng vừa truyền thống vừa khác lạ: vẫn là những *đêm trăng, vàng trăng, ánh trăng...* như bao thi nhân khác, song trong cách gọi của tác giả trăng còn mang những hình hài vừa cụ thể, vừa trừu tượng: là *thìa trăng, sóng trăng, lưỡi trăng, sa mạc trăng*. Trong cách gọi ấy còn mang đậm cảm nhận và niềm khao khát của thi nhân. Tất cả là kết quả của một sự liên tưởng, tưởng tượng phong phú, độc đáo của tác giả. Trong cái nhìn ấy, trăng bỗng trở nên gần gũi như một con người và thậm chí con người còn chủ động cảm nhận về trăng bằng những giác quan thật cụ thể.

**\* Kết hợp: quan hệ từ + trăng**

Câu thơ	Bài thơ
<i>Bầy ốc sên đã giấu mình trong những góc chuối, những bụi gai. Giờ thức dậy <b>dưới trăng</b> và ra đi lặng lẽ</i>	Chuyển động
<i>Mái tóc đậm hương lá bưởi của họ chảy lênh lánh <b>trong trăng</b></i>	Những ví dụ
<i>Em đã đến <b>trước trăng</b></i>	Dưới trăng và một bậc cửa
<i>Đi về đâu những điều đúng <b>trong trăng</b></i>	Dưới trăng và một bậc cửa

<i>Đi về đâu những điều sai <b><u>trong trăng</u></b></i>	Dưới trăng và một bậc cửa
<i><b><u>Và trăng</u></b>, màu đen của ánh sáng ngày dứt mình ra khỏi những đám mây bản thủ</i>	Chuyển dịch màu đen

\* Nhận xét: Ở kết hợp quan hệ từ + trăng ta thấy rằng đứng trước trăng là các từ chỉ vị trí *trong, trước, dưới*. Với kết hợp này còn mang đến cho tín hiệu trăng một nét nghĩa mới là vật chứa đựng. Hơn thế ta còn hình dung ra được vị thế, tâm thế của nhân vật trữ tình trong mối quan hệ với trăng.

**\* Kết hợp: tính từ + trăng**

Câu thơ	Bài thơ
<i>Em quẫy trong ta như một con cá. Rồi bỏ ta chạy vào lối ngõ <b><u>không trăng</u></b></i>	Mười một khúc cảm
<i>Sự <b><u>cấu tạo trăng</u></b>, sự cấu tạo côn trùng, sự cấu tạo người</i>	Dưới trăng và một bậc cửa
<i>Dưới mái rạ <b><u>sững trăng</u></b></i>	Dưới trăng và một bậc cửa
<i>Còn lại bên thềm mắt vệt loáng <b><u>wớt trăng</u></b></i>	Nhịp điệu châu thổ mới
<i>Khu vườn <b><u>giàn dưa trăng</u></b></i>	Thay lời nguyện cầu

\* Nhận xét: Ở kết hợp tính từ + trăng, ta thấy đứng trước trăng là những tính từ: *không, cấu tạo, sững, wớt, giàn dưa*. Những tính từ này vừa gọi tả trăng vừa mang đậm dấu ấn cảm xúc của thi nhân. Và như thế, trong con mắt của thi nhân, trăng không chỉ là một vật thể của thiên nhiên với những đặc tính vốn có mà trăng trong kết hợp này còn là đối tượng để trao gửi tâm tình, phần nào kí thác tâm trạng của tác giả.

2.2.2.2. Kết hợp sau (trăng + X)

Đây là kiểu kết hợp không nhiều của tín hiệu trăng trong thơ Nguyễn Quang Thiều. Theo kết quả thống kê, phân tích chúng tôi thấy rằng ở kiểu kết

hợp này tín hiệu trắng có thể kết hợp với động từ và tính từ và danh từ.

Câu thơ	Dạng kết hợp	Bài thơ
Lặng lẽ ra sân đứng ngắm <b><u>trăng mờ</u></b>	Trăng + tính từ	Nghe tiếng con chim cuốc
Tôi nhớ áo em tuột rơi trên bển kín một <b><u>trăng xưa</u></b>	Trăng + tính từ	Sông Đáy
Ngân trong cái lưới <b><u>trăng chói sáng</u></b> và sắc lém	Trăng + tính từ	Dưới trăng và một bậc cửa
Chỉ còn trăng, <b><u>trăng thôi</u></b>	Trăng + tính từ	Bản khai sinh lần 2
Vẫn lâu khuya <b><u>trăng sáng suông</u></b> , vẫn chân cầu nước chảy lạnh	Trăng + tính từ	Thư của một nhà thơ Việt thế kỉ 21 gửi các nhà thơ đời Đường
Những người mắc bệnh tâm thần mất ngủ nhìn <b><u>trăng mở cửa</u></b> và bước ra khỏi nhà	Trăng + động từ	Những ví dụ
Em mở cửa... chỉ còn <b><u>trăng xòe bàn tay</u></b> run rẩy	Trăng + động từ	Bản khai sinh lần 2
Dây vĩ cầm cuối cùng <b><u>trăng đêm</u></b> vụt đứt	Trăng + danh từ	Con Bống đen đẻ trứng

\* Nhận xét: Ở kết hợp trăng + tính từ ta thấy tác giả thường đặc tả màu sắc và trạng thái của trăng: *mờ, chói sáng, sáng suông*. Cũng có khi lại gọi tả thời của trăng: *trăng xưa*. Trong kết hợp: trăng + động từ Nguyễn Quang Thiều đã nhân cách hóa trăng, biến trăng thành một sinh thể với những hành động cụ thể: *mở, xòe*, đi kèm là những danh từ cụ thể: *cửa, bàn tay*. Những kết hợp này đã bổ sung thêm nét nghĩa biểu trưng cho trăng trong thơ Nguyễn Quang Thiều.

Như vậy, trong sáng tác của Nguyễn Quang Thiều, tín hiệu thẩm mỹ *trăng* mang những nét nghĩa biểu trưng như: Trăng không chỉ là một vật thể thiên nhiên mà còn là đối tượng để thi nhân tri giao, kí thác suy tư, xúc cảm; trăng là tín hiệu biểu trưng cho những giá trị bất biến, trường tồn; trăng là tín hiệu giải phóng sự liên tưởng, trí tưởng tượng phong phú, độc đáo, đầy cá tính của Nguyễn Quang Thiều.

### 2.3. Tín hiệu thẩm mỹ “*cánh đồng*”

#### 2.3.1. Biến thể từ vựng của tín hiệu thẩm mỹ “*cánh đồng*”

Khảo sát các biến thể từ vựng của tín hiệu *cánh đồng*, chúng tôi nhận thấy không có nhiều các biến thể từ vựng của tín hiệu, kết quả cụ thể như sau:

Câu thơ chứa biến thể của <i>cánh đồng</i>	Tên bài thơ
<i>Có một con mèo hoang Lang thang trên <u>đồng cỏ</u></i>	Có một con mèo hoang
<i>Khi <u>đồng cỏ</u> vào đêm</i>	Có một con mèo hoang
<i>Tôi đi về <u>đồng cỏ</u></i>	Có một con mèo hoang
<i>Có một con mèo hoang Lang thang trên <u>đồng cỏ</u></i>	Có một con mèo hoang
<i>Sao xanh Sao xanh Bay về <u>đồng cỏ</u></i>	Một bài hát tình yêu của người làng Chùa
<i>Tóc em gào lên phần phật <u>ngang đồng</u></i>	Dòng sông
<i>Liếm vào <u>đồng cỏ</u> của thổ ngữ lãng quên</i>	Thánh ca tính lặng
<i>Sấm rền vang, bật tiếng gọi <u>trên đồng</u></i>	Văn bản lần thứ nhất
<i>Chúng ta sinh ra, lửa cháy mãi trong bếp, <u>trên đồng</u>, trên đỉnh núi không hề đứt quangx</i>	Nhịp điệu châu thổ mới

<i>Những đôi mắt giữ gìn phần sáng xa xăm như lửa <b>trên đồng</b> sắp tắt</i>	Nhịp điệu châu thổ mới
<i>Trong ngôi nhà, giữa <b>đồng cỏ</b> không ai biết ông</i>	Phác thảo Kevin Bowen
<i>Chàng đi đến <b>đồng cỏ</b> rộng lớn không bến bờ</i>	Cây ánh sáng

\* Nhận xét: Các biến thể từ vựng của tín hiệu này không nhiều. Phần lớn là biến thể *đồng*, *đồng cỏ*. Nó gợi đến không gian quen thuộc, gần gũi, thôn dã nơi làng quê.

### 2.3.2. Biến thể kết hợp của tín hiệu thẩm mỹ “cánh đồng”

#### 2.3.2.1. Kết hợp trước (X + cánh đồng)

Trong cấu trúc kết hợp này, chúng tôi nhận thấy đứng trước tín hiệu cánh đồng chỉ có động từ và các từ chỉ vị trí, số lượng kết hợp với cánh đồng. Các từ loại như tính từ và danh từ không xuất hiện hoặc rất ít, không đáng kể.

#### \* Kết hợp: từ chỉ vị trí + cánh đồng

Các trường hợp tiêu biểu	Tên bài thơ
<i>Vọng về <b>từ cánh đồng</b> rộng lớn mù sương</i>	Ban mai
<i>Những ngọn khói trẻ chần trâu đốt rạ <b>trên cánh đồng</b> sau vụ gặt</i>	Tháng Mười
<i>Không có gì cho tôi khóc sớm nay <b>ngoài</b> <b>cánh đồng</b> rau khúc</i>	Tôi khóc những cánh đồng rau khúc
<i>Nắng mở hết mắt mình <b>trên cánh đồng</b> xứ sở</i>	Bức thư
<i>Tiếng súng âm âm <b>trên cánh đồng</b> xứ sở</i>	Trong tiếng súng bắn tỉa
<i><b>Qua cánh đồng</b> sản phụ</i>	Con Bống đen đẻ trứng

<i>Không còn ai <b><u>trên cánh đồng</u></b> mù mắt</i>	Văn bản lần thứ nhất
<i>Vàng dương thôn thức <b><u>trên cánh đồng</u></b> vải liệm thom thơ</i>	Nhịp điệu châu thổ mới
<i>Thường bay <b><u>qua cánh đồng</u></b> mỗi ngày cuối chiều</i>	Nhịp điệu châu thổ mới
<i><b><u>Trên cánh đồng</u></b> vải liệm xông xao</i>	Nhịp điệu châu thổ mới
<i>Tất cả hồn hoa, thư tình, bỏ câu và những cuốn sách gặp nhau trên con đường cắt <b><u>qua cánh đồng</u></b> ngoại ô</i>	Nhân chứng của một cái chết
<i>Và rộng <b><u>mãi tận cánh đồng</u></b> bị lãng quên trên những bến bờ xa</i>	Nhịp điệu châu thổ mới
<i>Bóng tối gọi từ bên này đến <b><u>bên kia cánh đồng</u></b></i>	Nhịp điệu châu thổ mới
<i>Tôi ra sông, tóc réo vang như lửa, bắt tận <b><u>trên cánh đồng</u></b> châu thổ</i>	Chiếc bình gốm
<i><b><u>Trên cánh đồng</u></b> mênh mông, cỏ không đặt ra ghi lễ bốn mùa</i>	Độc thoại
<i>Và linh hồn nông dân đi lang thang <b><u>trên cánh đồng</u></b></i>	Chúng ta có quyền ăn bữa tối
<i>Xa xăm <b><u>trên cánh đồng</u></b> những nhạc công tóc bạc</i>	Hồi tưởng
<i>Xa kia, <b><u>trên cánh đồng</u></b>, thêm những tiếng rên rỉ</i>	Hồi tưởng
<i>Biển mắt <b><u>trên cánh đồng</u></b></i>	Hồi tưởng
<i>Để khóc một mình <b><u>trên cánh đồng</u></b></i>	Nhân chứng của một cái chết
<i>Linh hồn của đàn bò</i>	Linh hồn những con bò

<i>Bay <u>trên cánh đồng</u></i>	
<i><u>Trên cánh đồng</u> bắt tận nàng đang bước</i>	Ban mai
<i>Các ngụy y đã yên nghỉ <u>trên cánh đồng</u> dưới chân đồi</i>	Trong khu vườn hoang tàn của quyền lực
<i><u>Trên cánh đồng</u> lấp lánh nước và hoa</i>	Bàn tay của thời gian
<i>Chiếc bình trong góc nhà, những bông hoa <u>ngoài cánh đồng</u></i>	Bữa tiệc
<i>Như những hạt giống chứa đầy ánh sáng gieo <u>trên cánh đồng</u> mù</i>	0h17 phút
<i>Mọc <u>trên cánh đồng</u> của những thì thầm đêm trước</i>	Chúc thư
<i><u>Trên cánh đồng</u> bắt tận của thế gian một lễ hội ánh sáng bắt đầu</i>	Cây ánh sáng

- Nhận xét: ở kiểu kết hợp *từ chỉ vị trí + cánh đồng* ta thấy đứng trước cánh đồng có những vị trí như : *trên, ngoài, từ, qua, mãi tận, bên kia*. Những từ đó có lúc chỉ những vị trí xác định, cũng có lúc chỉ những vị trí, những không gian mang tính chất phiếm chỉ, mơ hồ, hư ảo. Kiểu kết hợp này đem đến cho tín hiệu cánh đồng trong thơ Nguyễn Quang Thiều sự đa nghĩa. Cánh đồng có khi là một không gian xác thực, chỉ một vùng đất đai rộng lớn ở vùng đồng quê hoặc ở khu vực ngoại ô. Cánh đồng có khi là miền không gian của tâm tưởng, là hình ảnh biểu trưng cho quê hương hồn hậu, cho những phong tục làng quê. Là nơi lưu giữ hồn cốt quê hương, dân tộc.

**\* Kết hợp: lượng từ + cánh đồng**

<b>Các trường hợp tiêu biểu</b>	<b>Tên bài thơ</b>
<i>Tôi bay qua <u>những cánh đồng</u> mùa xuân</i>	Bài hát



Qua <b><u>những cánh đồng</u></b> cỏ bản bật run lên	Dòng sông
Ta chạy qua <b><u>bao cánh đồng</u></b> , vừa chạy vừa ngoái lại	Dòng sông
Ta chạy qua <b><u>bao cánh đồng</u></b> , qua bao mùa cày cuốc, gieo gặt	Dòng sông
Ta chạy qua <b><u>bao cánh đồng</u></b> , qua những mùa cỏ dại	Dòng sông
Ngoài kia, <b><u>những cánh đồng</u></b> đắng cay vì bệnh tật kéo dài	Lời cầu nguyện
Chúng ta sinh ra miên man, phủ ngập <b><u>những cánh đồng</u></b> cái chết	Nhịp điệu châu thổ mới
Và tiếng vật vã quen thuộc của nước trên <b><u>những cánh đồng</u></b> xa	Nhịp điệu châu thổ mới
Đe dọa bao trùm lên <b><u>những cánh đồng</u></b> không tuổi	Thanh minh
Tôi đi qua <b><u>những cánh đồng</u></b> ngôn ngữ khác nhau với cùng câu hỏi	Về những đồ vật có trên bàn viết
Rền vang <b><u>những cánh đồng</u></b> , buổi bình minh đất đai	Hồi tưởng
Tất cả <b><u>những cánh đồng</u></b> loa kèn bùng nổ - bình minh	Hồi tưởng
Họ đi qua <b><u>những cánh đồng</u></b> và những thành phố	Nhân chứng của một cái chết
Rền rĩ <b><u>những cánh đồng</u></b> câm lặng	Linh hồn những con bò
Trên <b><u>những cánh đồng</u></b> thế gian	Linh hồn những con bò

Trên <b><u>những cánh đồng</u></b> ngũ cốc đã bắt đầu lóng lánh và tỏa hương nồng nàn	Cây ánh sáng
Miệng chàng mở <b><u>những cánh đồng</u></b> hoa rục rỡ và giọng chàng cất lên	Cây ánh sáng
Lướt qua <b><u>một cánh đồng</u></b> rộn vang tiếng trâu bò	Quyền phép thời gian

\* Nhận xét: Kết cấu lượng từ + cánh đồng xuất hiện tương đối nhiều. Đó là *một, những, bao* cánh đồng. Qua thống kê chúng tôi thấy phần lớn lượng từ kết hợp với cánh đồng là những lượng từ số nhiều, chỉ một lượng lớn, không xác định. Như vậy, tín hiệu thẩm mỹ *cánh đồng* trong thơ Nguyễn Quang Thiều không chỉ mang nghĩa cụ thể, không chỉ nói tới một không gian xác thực mà nó hướng tới một ý nghĩa mang tính phổ quát. Nó mang nghĩa biểu trưng rộng lớn.

**\* Kết hợp: động từ + cánh đồng**

Các trường hợp tiêu biểu	Tên bài thơ
<b><u>Chạy mãi về cánh đồng</u></b> ngoại ô	Mười một khúc cảm
Trong bóng tối ngấm men <b><u>cháy wốt cánh đồng</u></b>	Bài hát
Tôi <b><u>trón lo âu về lại cánh đồng</u></b>	Cánh đồng
Bên kia, những đám mây nhàn rỗi mắc bệnh ngủ gật thường <b><u>trôi qua cánh đồng</u></b>	Cánh đồng
Cha <b><u>đưa các con về cánh đồng</u></b> của bà nội	Con Bống đen đẻ trứng
Đêm đêm không <b><u>đòi mạng cánh đồng</u></b>	Con Bống đen đẻ trứng
<b><u>Gieo bí mật xuống cánh đồng</u></b> góa bụa	Con Bống đen đẻ trứng
<b><u>Mọc lên cánh đồng</u></b> xanh phía thì thào	Nhịp điệu châu thổ mới

<i>cháy họng</i>	
<i>Người nông dân mặc chiếc áo lạnh lạnh nhất của mình, dắt con bò <b><u>đi ra cánh đồng</u></b></i>	Bài ca những con chim đêm
<i>Cha tôi mang tóc bà tôi <b><u>chôn xuống cánh đồng</u></b></i>	Hồi tưởng
<i>Những đêm ấy chúng tôi nghe có bước chân <b><u>đi qua cánh đồng</u></b> về phía ngôi nhà</i>	Hồi tưởng
<i><b><u>Về cánh đồng</u></b> liền chân trời sắp sáng</i>	Hồi tưởng
<i>Và bây giờ, những con bò bóng tối, đã <b><u>đến cánh đồng</u></b> cuối cùng</i>	Linh hồn của những con bò
<i><b><u>Biến mất cánh đồng</u></b> trong bóng tối bất tận</i>	Sau bậc cửa ngôi nhà vô hình
<i>Tỏa rùng rục hơi nóng những bao hạt giống trong tiếng nghiền kiên trì khùng khiếp của bánh xe <b><u>đi đến cánh đồng</u></b> đang chờ quyền phép của tháng Giêng ban tặng</i>	Quyền phép của thời gian
<i>Sao nàng không <b><u>ở lại cánh đồng</u></b> kia, chỉ mọc hoa cúc dại</i>	Hoa hồng
<i>Nàng đã <b><u>từ bỏ cánh đồng</u></b> hoa cúc dại và nàng không còn đất đai</i>	Hoa hồng
<i>Của một đêm cuối cùng này, nơi con đường <b><u>chạy thẳng tới cánh đồng</u></b></i>	Bài ca trong đêm cuối cùng của năm cũ

\* Nhận xét: trong kiểu kết hợp động từ + cánh đồng, chúng tôi nhận thấy đứng trước cánh đồng có các động từ chỉ chuyển động như: *về, về lại, trôi qua, xuống, lên, đi ra, tới, từ bỏ, ở lại, đến, biến mất, đi đến, đi qua.*

Những động từ ấy chỉ sự chuyển động của chủ thể khác đến cánh đồng hoặc rời xa cánh đồng. Phần lớn trong kiểu kết hợp này cánh đồng là đối tượng chịu sự tác động của chủ thể hành động. Cánh đồng chỉ điếm đến, nơi tìm về hoặc rời bỏ cánh đồng của các chủ thể khác. Rất ít trường hợp chủ thể của hành động là cánh đồng. Khi đó, cánh đồng chính là biểu tượng cho những không gian nương náu, níu giữ tìm về; biểu tượng cho những giá trị trường tồn, vĩnh cửu của làng quê, cho niềm tin của con người. Cũng có khi là đối tượng của sự từ bỏ, rời xa, chối từ. Khi đó nó là biểu tượng cho sự mất mát, mai một chốn quê nhà. Đi liền với đó là tâm tư bất định của thi sĩ.

#### 2.3.2.2. Kết hợp sau (cánh đồng+ X)

Nếu như ở kết hợp trước, đứng trước tín hiệu cánh đồng chủ yếu là động từ, từ chỉ vị trí và lượng từ thì theo kết quả khảo sát kết hợp sau, chúng tôi thấy rằng tín hiệu cánh đồng có thể kết hợp phổ biến với ba từ loại là động từ, tính từ và danh từ. Tuy nhiên chủ yếu là danh từ và tính từ còn động từ xuất hiện không nhiều.

Sau đây là các kiểu kết hợp cụ thể:

#### **\* Kết hợp: cánh đồng + tính từ**

Các trường hợp tiêu biểu	Tên bài thơ
Vọng về từ <u>cánh đồng rộng lớn</u> mờ sương	Ban mai
<u>Cánh đồng bị thương</u> kêu lên một tiếng cười ngái ngủ	Hòa âm của những đa bào
Trong tiếng khóc khàn khàn của <u>cánh đồng khô hạn</u>	Trong tiếng súng bắn tỉa
Ngoài kia, những <u>cánh đồng đắng cay</u> vì bệnh tật	Lời cầu nguyện
Không còn ai trên <u>cánh đồng mù mắt</u>	Văn bản lần thứ nhất

Mọc lên <b><u>cánh đồng xanh</u></b> phía thì thảo cháy họng	Nhịp điệu châu thổ mới
Và tiếng vật vã quen thuộc của nước trên những <b><u>cánh đồng xa</u></b>	Nhịp điệu châu thổ mới
Đe dọa trùm lên những <b><u>cánh đồng không tuổi</u></b>	Thanh minh
Trên <b><u>cánh đồng mênh mông</u></b> , cỏ không đặt ra nghi lễ bốn mùa	Độc thoại
Em mang về những bông hoa từ <b><u>cánh đồng xa lắc</u></b>	Hồi tưởng
Về <b><u>cánh đồng liền chân trời</u></b> sắp sáng	Hồi tưởng
Và bây giờ, những con bò bóng tối, đã đến <b><u>cánh đồng cuối cùng</u></b>	Linh hồn những con bò
Trên <b><u>cánh đồng bất tận</u></b> , nàng đang bước	Ban mai
Trên <b><u>cánh đồng bất tận</u></b> của thế gian	Cây ánh sáng
Ta là cái cây mọc trên <b><u>cánh đồng đằm đìa</u></b> ánh sáng	Ban mai
Trên <b><u>cánh đồng lấp lánh</u></b> nước và hoa	Bàn tay của thời gian
Em nằm xuống và <b><u>cánh đồng mênh mông</u></b>	Bản tuyên ngôn của cơn mơ
Như những hạt giống chứa mầm ánh sáng gieo trên <b><u>cánh đồng mù</u></b>	0h17 phút
Tuổi thơ con đã từng được những thiên thần của người dốt chạy trên <b><u>cánh đồng lộng lẫy</u></b> của thế gian	Cây ánh sáng
Những người đàn bà xanh như nước biển	Cây ánh sáng

<i>biển mát chằng chỉ thấy hoa nở trên <b><u>cánh đồng bất tận</u></b></i>	
<i>Gieo bí mật xuống <b><u>cánh đồng góa bụa</u></b></i>	Con Bống đen đẻ trứng
<i>Rền rĩ những <b><u>cánh đồng câm lặng</u></b></i>	Linh hồn những con bò
<i>Lướt qua một <b><u>cánh đồng rộn vang</u></b> tiếng trâu bò</i>	Quyền phép của thời gian
<i>Đi đến <b><u>cánh đồng đang chờ</u></b> quyền phép của tháng Giêng ban tặng</i>	Quyền phép của thời gian
<i><b><u>Cánh đồng thêm thiếp</u></b> sau từng đêm sinh nở</i>	Bình minh đang lên

- Nhận xét: Kết hợp này chủ yếu miêu tả tính chất, trạng thái của cánh đồng: *rộng lớn, xanh, xa, không tuổi, mênh mông, xa lắc, liền chân trời, cuối cùng, đầm đìa, bất tận, không tuổi, lấp lánh, lộng lẫy, rộn vang, đang chờ, thêm thiếp, bị thương, khô hạn, đắng cay, mù, mù mắt, câm lặng, góa bụa*. Những tính từ này vừa gợi tả những tính chất thường thấy của cánh đồng thực (xa, xa lắc, mênh mông, xanh, liền chân trời, rộng lớn, bất tận) vừa gợi cho người đọc liên tưởng đến sự sống bất diệt, sự sinh sôi, cái đẹp được sinh ra từ cánh đồng (đầm đìa, bất tận, không tuổi, lấp lánh, lộng lẫy, rộn vang, đang chờ) và cả những đau thương của cánh đồng (bị thương, khô hạn, đắng cay, mù, mù mắt, câm lặng, góa bụa). Việc sử dụng, sắp xếp ngôn ngữ của Nguyễn Quang Thiều đã cho người đọc thấy được cái nhìn của thi nhân trước tín hiệu *cánh đồng*. Với nhà thơ, cánh đồng không chỉ là không gian cây cối nơi làng quê mà còn nhìn nhận nó như một sinh thể có sinh mạng, tâm trạng, số phận. Nhà thơ thể hiện nỗi âu lo trước sự tổn thương của sinh mạng cánh đồng. Và như thế, cánh đồng mang nét nghĩa biểu trưng cho sự mai một, cho những mất mát của những giá trị văn hóa nơi làng quê. Trong tâm thức của nhà thơ, ấn tượng mạnh và nhiều hơn cả là cái nhìn về cánh đồng như một không gian tạo

sinh và nuôi dưỡng những vẻ đẹp văn hóa nơi quê nhà. Nhà thơ đem đến cho bạn đọc niềm tin vào sự trường tồn, bất diệt của những giá trị, vẻ đẹp văn hóa nơi thôn quê.

**\* Kết hợp: cánh đồng + danh từ**

Câu thơ	Tên bài thơ
<i>Chạy mãi về <u>cánh đồng ngoài ô</u></i>	Mười một khúc cảm
<i>Tôi bay qua những <u>cánh đồng mùa xuân</u> còn ái ngại</i>	Bài hát
<i>Không có gì cho tôi khóc sớm nay ngoài <u>cánh đồng rau khúc</u></i>	Tôi khóc những cánh đồng rau khúc
<i>Nắng mở hết mắt mình trên <u>cánh đồng</u> <u>xứ sở</u></i>	Bức thư
<i>Qua <u>cánh đồng sản phụ</u></i>	Con Bống đen đẻ trứng
<i>Vàng dương thỏn thức trên <u>cánh đồng</u> <u>vải liêm</u> thơm tho</i>	Nhịp điệu châu thổ mới
<i>Trên <u>cánh đồng vải liêm</u> xôn xao</i>	Nhịp điệu châu thổ mới
<i>Chúng ta sinh ra miên man, phủ ngập những <u>cánh đồng cái chết</u></i>	Nhịp điệu châu thổ mới
<i>Trên những <u>cánh đồng lúa nước</u>, những ngọn đôi</i>	Mỗi sáng tôi mở cửa
<i>Tôi đi qua những <u>cánh đồng ngôn ngữ</u> khác nhau</i>	Về những đồ vật có trên bàn viết
<i>Tôi ra sông, tóc réo vang như lửa, bắt tận trên <u>cánh đồng châu thổ</u></i>	Chiếc bình gốm
<i>Tất cả những <u>cánh đồng loa kèn</u> bùng nổ - bình minh</i>	

<i>Tất cả hồn hoa, thư tình, bỏ câu và những cuốn sách gặp nhau trên con đường cắt qua <b><u>cánh đồng ngoại ô</u></b></i>	Nhân chứng của một cái chết
<i>Trong những đêm của năm tháng đó, tôi đứng một mình trên <b><u>cánh đồng xứ sở</u></b> sau những mùa gặt hái</i>	Nhân chứng của một cái chết
<i>Trên những <b><u>cánh đồng thế gian</u></b></i>	Linh hồn những con bò
<i>Nàng đã từ bỏ <b><u>cánh đồng hoa cúc</u></b> dại và nàng không còn đất đai</i>	Hoa hồng
<i>Trên những <b><u>cánh đồng ngũ cốc</u></b> đã bắt đầu lóng lánh và tỏa hương nồng nàn</i>	Cây ánh sáng
<i>Miệng chàng mở những <b><u>cánh đồng hoa</u></b> rục rỡ và giọng chàng cất lên</i>	Cây ánh sáng

- Nhận xét: ở kết hợp này, sau cánh đồng là những từ, cụm từ định danh cụ thể, rõ ràng. Là cánh đồng: *ngoại ô, mùa xuân, rau khúc, xứ sở, vải liệm, cái chết, lúa nước, ngôn ngữ, châu thổ, loa kèn, thế gian, hoa cúc, ngũ cốc, hoa*. Cách định danh ấy đã gọi tên những cánh đồng có thực trong cuộc sống (theo loại cánh đồng và mùa): *ngoại ô, mùa xuân, rau khúc, lúa nước, loa kèn, hoa cúc, ngũ cốc, hoa*. Song cách gọi tên cánh đồng cũng có những khác lạ: *xứ sở, vải liệm, cái chết, ngôn ngữ, châu thổ, thế gian* nên còn gọi đến một lớp nghĩa khác của biểu tượng cánh đồng. Nó còn là tín hiệu biểu trưng cho không gian sinh tồn rộng lớn của nhân loại; là làng quê, xứ sở. Ở đó có những phong tục đẹp và có cả những nỗi buồn, thương nhớ.

**\* Kết hợp: cánh đồng + động từ**

<b>Câu thơ</b>	<b>Tên bài thơ</b>
<i>Và rộng mãi tận <b><u>cánh đồng bị lãng quên</u></b> trên những bến bờ xa</i>	Nhịp điệu châu thổ mới



Giữa <b><u>cánh đồng mọc lên</u></b> đỉnh núi mù sương của trí tưởng tượng, đại bàng đến đậu	Độc thoại
Vào lúc ban mai tiếng ngựa hí vang, <b><u>cánh đồng</u></b> <b><u>dâng lên</u></b> từng đợt sóng hoa vàng	Bài ca trên những quả đồi Achill
Những bông hoa <b><u>bị lừa từ cánh đồng vào</u></b> chiếc bình và những quả táo lăn lượt biến mất	Bữa tiệc

\* Nhận xét: Kiểu kết hợp cánh đồng + động từ không nhiều. So với kiểu kết hợp: động từ + cánh đồng thì kiểu kết hợp này không tiêu biểu và ý nghĩa biểu trưng không rõ ràng và sâu sắc.

## Tiểu kết chương 2

Trong chương 2, chúng tôi đã tiến hành một số công việc sau:

Thứ nhất: Chúng tôi tiến hành khảo sát các tín hiệu thẩm mỹ *trăng*, *cánh đồng* trong thơ Nguyễn Quang Thiều bằng phương pháp thống kê. Những thống kê trên cho thấy kết hợp của các tín hiệu thẩm mỹ *trăng*, *cánh đồng* là khá đa dạng.

Thứ hai: Chúng tôi cũng tiến hành khảo sát biến thể từ vựng và biến thể kết hợp cho từng tín hiệu trăng, cánh đồng trong thơ Nguyễn Quang Thiều. Chúng tôi nhận thấy, các tín hiệu thẩm mỹ được khảo sát có thể kết hợp với hầu hết các từ loại: danh từ, động từ, tính từ và một số kết hợp khác như kết hợp với các quan hệ từ, các từ chỉ vị trí không gian, thời gian.

Trong các kết hợp đó, các tín hiệu *trăng*, *cánh đồng* thể hiện khả năng hoạt động khá rộng rãi, do nó có thể kết hợp cả về phía trước và sau đối với các từ loại trên.

Bên cạnh đó, theo kết quả khảo sát, chúng tôi thấy rằng hai tín hiệu thẩm mỹ trăng, cánh đồng xuất hiện trong thơ Nguyễn Quang Thiều mang hai nét nghĩa:

- Dừng với nghĩa tả thực: tín hiệu trăng được nhìn nhận như một thực thể tự nhiên với những đặc tính vốn có. Tín hiệu cánh đồng chỉ không gian miền quê có thực gắn với những sinh hoạt nơi làng quê.

- Dừng với nghĩa chuyển: trong con mắt của thi sĩ trăng là đối tượng thẩm mỹ, để thi nhân kí thác suy tư, xúc cảm; trăng là tín hiệu biểu trưng cho những giá trị bất biến, trường tồn; trăng là tín hiệu giải phóng sự liên tưởng, trí tưởng tượng phong phú, độc đáo, đầy cá tính của Nguyễn Quang Thiều. Tất cả thể hiện một mỹ cảm hiện đại: con người gần gũi và làm chủ trong mối quan hệ với tự nhiên. Với Nguyễn Quang Thiều, cánh đồng là tín hiệu đầy ám ảnh, day dứt và mang nhiều lớp nghĩa biểu trưng. Cánh đồng là nơi lưu giữ những vẻ đẹp, phong tục tập quán, những giá trị văn hóa của làng quê; cánh đồng cũng chứa đựng những nỗi buồn đau, mất mát trước cơn sóng đô thị hóa; cánh đồng là nơi lưu giữ niềm tin, là nơi tìm về, là biểu tượng cho sự sống, sự sinh sôi cao cả. Thấp thoáng sau cách khắc họa của thi sĩ chính là sự yêu mến, gắn bó, trăn trở, lo âu của một trí thức có trách nhiệm với những giá trị văn hóa dân tộc. Để thấy được bên cạnh một Nguyễn Quang Thiều rất *Tây* còn là một Nguyễn Quang Thiều cũng mộc mạc, gần gũi và không quá khó hiểu. Cách viết, cách cảm ấy cũng là cách thể hiện lòng biết ơn đầy tinh tế mà không kém phần sâu sắc của một người con quê hương đối với cái nôi văn hóa đã sinh thành ra mình.

## CHƯƠNG 3: Ý NGHĨA BIỂU TRUNG CỦA CÁC TÍN HIỆU “TRĂNG”, “CÁNH ĐỒNG” TRONG THƠ

NGUYỄN QUANG THIỀU

### 3.1. Tín hiệu thẩm mỹ “trăng”

#### 3.1.1. Hướng nghĩa biểu trưng của tín hiệu thẩm mỹ “trăng”

Đứng trên góc độ văn hóa hay nghệ thuật thì *trăng* luôn là nguồn cảm hứng sáng tạo bất tận cho các nghệ sĩ. Là *trăng* chứ không phải và không thể là cái gì khác. Nếu mặt trời luôn y nhiên tự tại, thì trái lại mặt trăng là một tinh tú có đầy có voi. Phải chăng, trăng là hình ảnh toàn vẹn nhất biểu trưng cho cái đẹp lẫn ý nghĩa hiện hữu. Nhưng cũng có thể nhìn nhận, chính do sự toàn bích không bị chi phối bởi những giới hạn của nó mà khiến cho việc cảm thụ chịu sự chi phối bởi những giới hạn của con người hình thành nên những “khuyết tật” trong tâm thức. Có nghĩa là, cũng *trăng* đó nhưng khi đi vào tâm hồn của những người nghệ sĩ thì khác nhau: có khi nó làm cho người ta cảm thấy tịch liêu hiu quạnh đến ngút ngàn, có khi lại gợi buồn khúc chiết miên man, có khi lại tạo ra cái băng khuâng cảm khái sâu xa, có khi lại là cái hồn nhiên nhàn nhã... Cũng ánh trăng đó nhưng nó sáng hay tịch liêu, lạc lõng hay nồng nàn, buồn hay vui, động hay tĩnh... đều tùy thuộc tâm trạng của mỗi người, mỗi thời.

Đối với địa hạt thi ca, *trăng* luôn được viết lại với những khung tri thức nhất định. Nó được các thi nhân mã hóa và lên tiếng cho những tư tưởng, tình cảm khác nhau. Từ bộ phận văn học dân gian Việt Nam đến văn học viết thời trung đại, hình tượng *trăng* tĩnh tại và như là chứng nhân chứng kiến mọi biến động của xã hội, đồng thời còn là nơi để cho con người thổ lộ mọi tâm trạng, mọi nỗi niềm

*Vàng trăng ai xẻ làm đôi*

*Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường*

(Truyện kiều – Nguyễn Du)

Đến thời hiện đại, trăng cũng là một hình tượng nghệ thuật không thể thiếu của các nhà văn, nhà thơ. Với Xuân Diệu, trăng như một vật chứng chứng kiến tình yêu của hai người:

*Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá  
Ánh sáng tuôn đầy các lối đi  
Tôi đi với người yêu qua nhè nhẹ...  
Im lìm, không dám nói năng chi*

(Trăng)

Nhưng ở Hàn Mặc Tử thì trăng chính là Hồn và Máu của thi nhân. Với Hàn Mặc tử, trăng là biểu thị nỗi khổ đau cùng tận; là nỗi cô đơn tuyệt đối; là người bạn tâm giao và nguồn sáng tạo vô biên

*Không gian tràn ngập toàn trăng cả  
Tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng”*

(Huyền ảo)

Còn với Đoàn Thị Lam Xuyên, trăng được hình tượng hóa như là người tình luôn đồng hành cùng thi nhân.

*Đầy vơi con nước vì trăng đầy  
Biển đã duênh lên, biển bạc đầu  
Ai biết mối tình thiên niên kỷ  
Ta là trăng - biển tựa trong nhau*

(Trăng và Biển)

Trong sáng tác của mình, Nguyễn Quang Thiều đã chạm khắc hình tượng *trăng* trở thành một THPTM. *Trăng* trong thơ Nguyễn Quang Thiều quen mà lạ. Sử dụng một thi liệu đã quá quen thuộc, Nguyễn Quang Thiều vừa giữ cho nó những nét truyền thống vừa làm mới nó. Đó là minh chứng cho bản lĩnh sáng tạo của người nghệ sĩ. Dựa vào các kết hợp của tín hiệu

thâm mĩ *trăng* ở chương 2 đã trình bày, luận văn tiến hành tìm hiểu ý nghĩa biểu trưng của tín hiệu thâm mĩ này.

### **3.1.2. Ý nghĩa biểu trưng của tín hiệu thâm mĩ “trăng” trong thơ Nguyễn Quang Thiều**

#### **3.1.2.1. Trăng biểu trưng cho đối tượng tri giao của nhân vật trữ tình**

Ở chương 2, trong phần khảo sát biến thể kết hợp trước của THPTM trăng, chúng tôi nhận thấy tín hiệu này kết hợp với cả động từ, tính từ, danh từ và từ chỉ vị trí.

Ở kết hợp (động từ + trăng) chúng ta thấy rằng đứng trước trăng là hàng loạt các động từ thể hiện hành động tác động vào trăng như: *ngắm, nhìn, vào, liếm, tru, vượt*. Trong kiểu kết hợp này, trăng trở thành đối tượng chịu sự tác động của các sự vật khác. Và như vậy, với Nguyễn Quang Thiều, trăng là một người bạn, là đối tượng tri giao để cảm nhận và giải bày những suy tư.

Nhân vật trữ tình trong bài thơ *Nghe tiếng con chim cuốc* nghe tiếng chim kêu đầy thiết tha, giục giã đã thức dậy trong lòng bao tâm tư của lứa tuổi hai mươi

*Tuổi hai mươi ta nghe không ngủ được  
Lặng lẽ ra sân đứng **ngắm trăng** mờ  
Ba mươi tuổi ngồi một mình im lặng  
Tiếng chim kêu dứt thịt dứt da*

Tuổi hai mươi bao hoài bão, khát khao ra đi để thỏa chí. Tất cả không cất thành lời và nhân vật trữ tình gửi gắm qua ánh mắt *ngắm trăng*. Trăng lúc này trở thành đối tượng không chỉ nhìn ngắm mà còn là nơi nhân vật trữ tình chất chứa tâm tư. Trong đêm vắng, trong tiếng chim cuốc đầy thao thiết, nhân vật trữ tình chỉ còn trăng làm bạn. Cái nhìn ấy dù vô ngôn nhưng có lẽ trăng thấu hiểu niềm khao khát được dẫn thân trên hành trình sáng tạo nghệ thuật của thi sĩ làng Chùa.

Hình ảnh của những người đàn bà góa bụa được xem là những ví dụ cho vẻ đẹp của người phụ nữ với đức hi sinh, thủy chung. Thậm chí, để gìn giữ vẻ đẹp vô hình ấy họ đã phải đánh mất tuổi trẻ, niềm vui và sự hấp dẫn giới tính. Và cứ thế, họ lần lượt khuất dần, khuất dần trong cuộc sống. Họ tránh những con đường dẫn tới những đêm trăng. Bầu vú họ mệt mỏi năm ngoạ đầu và trở nên nghẽn ngãng, không còn nghe được tiếng gọi đàn ông nồng mùi thuốc và ruộng bùn ngai ngái (Những ví dụ). Nhưng Nguyễn Quang Thiều đã thấy họ trở về từ sau cỏ cùng bài hát: *bài hát vút lên xuyên qua đỉnh đầu những người mắc bệnh tâm thần mất ngủ **nhìn trăng*** (Những ví dụ). Ánh mắt nhìn trăng ấy như sự thức tỉnh về niềm khát khao sống, niềm vui sống. Trăng lúc này như một người bạn tri giao để họ giải bày nỗi lòng mình. Những xúc cảm đó, sau bao thời gian, đã thức dậy trong những người đàn bà và họ gửi đến trăng qua cái nhìn. Trăng như thấu tỏ cho nỗi niềm của họ và ánh sáng ấy soi tỏ con đường đến với những giá trị sống: *những người mắc bệnh tâm thần mất ngủ **nhìn trăng** mở cửa và bước ra khỏi nhà* (Những ví dụ).

Trong bài *Bây chớ của tôi*, Nguyễn Quang Thiều đã dựng lên cả một cõi nhân sinh đầy nhức nhối

*Cứ đêm xuống  
Bây chớ giữa mặt lên trời  
Sữa cay đắng, thăm sâu, man rợ*

*Bây chớ ơi, sữa vào đâu  
Sữa vào **trăng**?  
Sữa vào ngọn đèn dầu?*

Có lẽ đây là âm thanh hiếm hoi được gọi nghĩa trong thơ Nguyễn Quang Thiều. Tiếng sữa *cay đắng, thăm sâu, man rợ* ẩn chứa bao âu lo, trăn

trở, chứa đựng rất nhiều bất ổn nay gửi cả vào trăng. Trăng trở thành người bạn đêm đêm lắng nghe tiếng sủa đầy xáo động và thấu hiểu những tâm tư. Trong một bài thơ khác, ta cũng bắt gặp được hình ảnh ấy

*Những con chó ngửa mặt **tru trăng***

(Dưới trăng và một bậc cửa)

Ta còn nghe như là tâm tư của thi nhân, bởi trong *Bài hát về cố hương* ông đã từng ao ước

*Tôi xin ở kiếp sau làm một con chó nhỏ*

*Để canh giữ nỗi buồn – báu vật cố hương tôi.*

Trong biến thể kết hợp trước: động từ + trăng, chúng ta còn thấy có những động từ: *liếm trăng, vuốt trăng*

*Chúng ngoan ngoãn **liếm trăng** trên những chiếc thìa lá mạ bạc*

*...con cóc già lơ đãng và tinh quái*

*Nó **vuốt trăng** trên mặt nhìn tôi*

(Dưới trăng và một bậc cửa)

Trong sự kết hợp này ta thấy, trăng không còn xa xôi và vĩ đại mà trở nên gần gũi. Vạn vật tương giao, những con sâu ngoan ngoãn liếm trăng, con cóc già vuốt trăng. Trăng trở thành đối tượng nhận sự tương tác của các đối tượng khác bằng các giác quan khác nhau: vị giác, xúc giác. Chưa khi nào trăng lại gần gũi đến thế. Với Nguyễn Quang Thiều, trăng không hề xa vời và mang tính bất khả tri mà trăng có thể tri giác bằng giác quan thật cụ thể của con người.

Ở kết hợp trước: tính từ + trăng, ta thấy đứng trước trăng là những tính từ: *không, cấu tạo, sưng, ướt, giàn dụa*. Những tính từ này vừa gọi tả trăng vừa mang đậm dấu ấn cảm xúc của thi nhân. Và như thế, trong con mắt của thi nhân, trăng không chỉ là một vật thể của thiên nhiên với những đặc tính vốn có mà trăng trong kết hợp này còn là đối tượng để trao gửi tâm tình, phần

nào kí thác tâm trạng của tác giả.

Trong *Mười một khúc cảm*, tính từ *không trăng* đã gợi lên cảm giác hụt hẫng, mất mát, tiếc nuối của nhân vật trữ tình

*Em quẫy trong tay ta như một con cá  
Rồi bỏ ta chạy vào lối ngõ **không trăng**  
Như cá thoát câu chạy rúc xuống bùn*

Từ *không* trong bài thơ này không dùng theo nghĩa phủ định mà nó thiên về cảm giác. Không trăng như có gì là mất mát, như là hụt hẫng.

Những tính từ: *sững, ướt, giàn dụa* đâu chỉ tả trăng mà còn là vẻ trắng qua cái nhìn và tâm trạng của thi nhân.

*Những ngôi nhà, những ổ đất nghi ngờ đóng cửa  
Dưới mái rạ **sững trắng***

(Dưới trăng và một bậc cửa)

*Còn lại bên thêm mắt vệt loáng **ướt trắng***

(Nhịp điệu châu thổ mới)

*Và lúc đó ở bên ngoài cửa sổ*

*Khu vườn **giàn dụa trắng***

*Họ đã nhìn thấy vẻ đẹp diệu kỳ*

*Trong những gì luôn đe dọa người khác*

(Thay lời nguyện cầu)

Những tính từ đó đứng trước trăng gây ấn tượng mạnh về sự tràn đầy. Đó cũng chính là niềm vui, niềm hi vọng của nhân vật trữ tình qua cái nhìn ấy. Trăng muôn đời vẫn thế, ánh sáng tỏa ra thời nào cũng vậy. Nên vẻ ướt, sững, giàn dụa kia chỉ có thể là tâm trạng và cảm xúc của thi nhân.

Hay trong kết hợp: danh từ + trăng, ta thấy trăng được khắc họa ở những trạng thái: *ánh trăng chói gắt, ánh trăng im phắc, ánh trăng gồ ghề, nuối tiếc vàng trăng*. Vẻ chói gắt, im phắc, gồ ghề, nuối tiếc không chỉ của



trăng mà còn là tâm trạng, nỗi lòng của thi nhân. Ánh trăng ấy đã được khúc xạ qua tâm trạng của thi nhân nên có buồn, có vui, có im lặng, có nuôi tiếc.

Như vậy, thi nhân nhìn trăng không phải như một vật thể thiên nhiên mà còn xem nó như một người bạn để kí thác tâm trạng, giải bày suy tư. Và như thế, với nhà thơ Nguyễn Quang Thiều, trăng chính là biểu tượng cho đối tượng tri giao.

### 3.1.2.2. Trăng biểu trưng cho những giá trị bất biến, trường tồn

Qua kết quả khảo sát biên thể kết hợp trước của tín hiệu trăng, cụ thể trong kiểu kết hợp: quan hệ từ + trăng ta thấy đứng trước trăng là các từ chỉ vị trí: *trong, trước, dưới*. Hay trong biên thể từ vựng của tín hiệu trăng còn có: *trên ánh trăng, vầng trăng trên*. Với kết hợp này còn mang đến cho tín hiệu trăng một nét nghĩa mới là nơi chứa đựng. Chứa đựng những giá trị tốt đẹp và bất biến trước thời gian.

Hình ảnh trăng trong *Những ví dụ* tựa như nơi ẩn chứa, lưu giữ vẻ đẹp bất tử của những người đàn bà góa bụa: *Những người đàn bà góa bụa làng tôi từ sau cỏ trở về. Họ đi **trên ánh trăng** gõ ghè dọc con đường phơi đầy rom rạ tháng Mười. Mái tóc **đậm đậm** hương lá bưởi của họ **chảy lênh láng trong trăng***. Những người vợ liệt sĩ, những người đàn bà góa bụa, được cả xã hội hàm ơn và vinh danh. Nhưng không mấy ai biết rằng, chính những giá trị mà xã hội gán cho họ như: hi sinh, thủy chung đến cùng đã vô tình tước đi những giá trị sống thực sự của họ. Họ không dám bước chân đến những đêm trăng, làm khô héo những vẻ đẹp, sự hấp dẫn giới tính. Họ bị ám ảnh bởi cái chết đang chờ đợi mình qua tiếng một gặm cỏ quan tài dành cho họ vang lên trong đêm. Thế nhưng với cái nhìn đầy nhân văn, Nguyễn Quang Thiều đã thấy họ trở về từ cõi bất tử. Bóng dáng và vẻ đẹp của họ được in dấu và trải dài trong trăng. *Họ đi trên trăng và mái tóc **đậm đậm** hương bưởi **chảy lênh láng trong trăng***. Lúc này, trăng tựa như một không gian chứa đựng sức sống mạnh mẽ,

vẻ đẹp đầy hấp dẫn của những người đàn bà góa bụa. Vóc dáng đầy nhựa sống và vẻ đẹp của họ như được khắc tạc vào không gian tràn ngập ánh trăng. Vàng trắng ấy chứng nhận và lưu giữ những giá trị bất tử của họ. Chúng tôi gọi đó là những giá trị Người.

Hành trình ra đi của bầy sên trong *Chuyển động* cho người đọc liên tưởng tới hành trình ra đi tìm kiếm và khẳng định giá trị bản ngã. Đó là một hành trình dài, gian nan và nhiều trở ngại và cũng đầy bất trắc. Bầy sên phải vượt qua những thứ ấy để từ giã khu vườn cũ mọc để đến một nơi nào đó ngoài kia mà chính kẻ trong cuộc cũng không biết chắc chắn là đâu: *chúng đang rời bỏ quê hương hay đi tìm lại quê hương*. Hành trình ấy có trăng ghi nhận và khắc dấu: *Bầy ốc sên bò qua vườn trong ánh trăng chói gắt như nắng trời mùa hạ.... Bầy ốc sên đã giấu mình trong những góc chuối, những bụi gai. Giờ thức dậy dưới trăng và ra đi lặng lẽ*. Trong trăng và dưới trăng, bầy sên đã ra đi. Dứt khoát và mạnh mẽ khước từ không gian chật hẹp, âm mốc, quen thuộc của khu vườn để đến một nơi khác. Phải chăng đó còn là hành trình ra đi để tìm kiếm chính mình của mỗi cá thể. Chuyển động để ra đi, thử thách và khẳng định, để trải nghiệm thỏa mãn những giác quan. Hay đó còn là niềm khao khát của người nghệ sĩ đích thực muốn tìm đến những chân trời nghệ thuật mới. Dù hiểu thế nào thì đó cũng là một hành trình nên đi và phải đi của những người có hoài bão, bản lĩnh và dám thử thách mình. Hành trình ấy chỉ diễn ra trong trăng và dưới trăng. Trăng trở thành biểu tượng cho niềm khát vọng cao đẹp ngàn đời của con người.

Trong thơ Nguyễn Quang Thiều, ta còn bắt gặp hình ảnh trăng luôn chứa đựng giá trị bền vững. Trăng tròn đầy, trong suốt và thấu hiểu để con người khi đứng trước trăng hay trong trăng có thể thấy đúng, thấy sai

*Em đã đến trước trăng*

*Em chỉ thở được trong những khoảng đục của thời gian*

*không gian*

*...Đi về đâu những điều đúng **trong trăng***

*Đi về đâu những điều sai **trong trăng***

(Dưới trăng và một bậc cửa)

Trong *Bản khai sinh lần thứ 2*, nhân vật trữ tình ra đi từ mùa hạ sang thu, khi trở về chôn cũ thì mọi thứ đã đổi thay

*Tôi mang đón hèn tôi, linh thiêng em về sông Đáy*

*Sông không an ủi nổi tôi, đò dọc, đò ngang mái chèo đang bó bột*

*Tôi buông tiếng thở dài – chiếc cần câu không lưỡi, không phao vào miền nước óm*

(Bản khai sinh lần thứ 2)

Và trăng là những gì còn lại sau bao biến động.

*Trái tim tôi thút sâu đáy vực u buồn*

*Tôi mang nỗi buồn tương lai gọi gào sau cửa*

*Chỉ còn **trăng**, trăng thôi... Em khóc bên thềm*

*.....Căn phòng thu nhiều cửa sổ, hoa lý thâm hát với song thưa*

*Em mở cửa... chỉ còn **trăng** xòe bàn tay run rẩy*

Chỉ còn lại vầng trăng thủy chung, vẹn nguyên, bao dung đón người con xa quê trở về. Trăng lúc này là hình ảnh biểu trưng cho những giá trị vững bền, không đổi qua năm tháng.

Trong biến thể kết hợp trước: danh từ + trăng chúng tôi còn thấy, hình ảnh trăng còn biểu trưng cho niềm tin bất diệt của con người

*Chiếc **khuy đồng vàng trăng** có thể nào sắp đứt*

*Ta có thể nào không mảnh áo che nhau*

*Giữa mặt đất khổ đau, giữa bầu trời hạnh phúc*

*Tôi là đường chân trời run rẩy nhịp thời gian*

*Tôi muốn có **sáu vàng trăng**, sáu chiếc khuy đồng lấp lánh*

### *Đề đĩnh vào áo nhân loại màu xanh*

(Đêm gần sáng)

Như vậy, trong những trường hợp chúng tôi khảo sát và phân tích ở trên, trăng là biểu trưng cho những giá trị bất biến: niềm tin, sự vẹn nguyên, thủy chung, niềm khao khát, hoài bão của con người.

#### *3.1.2.3. Trăng biểu trưng cho sự liên tưởng đầy cá tính của thi nhân*

Ở chương 2 khảo sát biến thể của tín hiệu trăng, trong biến thể kết hợp trước: danh từ + trăng, chúng tôi thấy Nguyễn Quang Thiều có cách định danh về trăng vừa quen vừa lạ: *đêm trăng, thìa trăng, sóng trăng, lưỡi trăng, sa mạc trăng*. Nguyễn Quang Thiều đã nhìn trăng và gọi trăng như bao thi nhân khác, song trong cách gọi ấy trăng còn mang những hình hài vừa cụ thể, vừa trừu tượng. Tất cả là kết quả của một sự liên tưởng, tưởng tượng phong phú, độc đáo của tác giả.

Trong mỗi kết hợp trên, giữa danh từ và trăng luôn bị lược đi giới từ. Thiếu những chỉ dẫn cụ thể vì thế mà hình ảnh thơ trở nên đặc biệt, mang những dáng hình khác lạ và ý nghĩa của tín hiệu trăng cũng trở nên đa nghĩa hơn. Cách xây dựng hình ảnh ấy thể hiện trí tưởng tượng phong phú của nhà thơ và cũng nhờ thế mà trí tưởng tượng của người đọc cũng được kích thích.

Nguyễn Quang Thiều không cung cấp điểm tựa cho người đọc trong thơ của mình. Tựa vào đâu để tiếp nhận thơ ông là tùy vào tri thức, vốn sống, trải nghiệm và mong muốn của mỗi người. Bởi thế mà mỗi người có một cách cảm nhận khác nhau về thơ ông. Trong trường hợp này, việc xây dựng tín hiệu trăng trong thơ ông cũng mở ra nhiều cách cảm nhận, cách hiểu khác nhau.

Trong bài thơ *Dưới trăng và một bậc cửa*, hình ảnh trăng trở nên nhờ mờ, đa nghĩa qua cách xây dựng hình ảnh của tác giả

*Tràn đến bậc cửa ngời*

*Những chiếc lá non mạ bạc  
Đang múc từng **thìa trắng**  
Những bóng cây say đổ vào nhau  
Dạt theo những lớp **sóng trắng**  
...Ngân trong cái **lưỡi trắng** chói sáng và sắc lẹm  
...Những đám mây mềm mại, won uớt và xốp  
Chiếc khăn tay của người đàn bà đẹp nhất và buồn nhất  
thế gian này  
Đang thêm thiếp trong **sa mạc trắng***

Trong lịch sử tiếp nhận văn học, người đọc đã từng biết đến trắng với những trạng thái và cách định danh khác nhau. Độc đáo và khác lạ như trong thơ của thi sĩ họ Hàn. Trong thơ Hàn Mặc tử, các danh từ được trắng xác định hết sức đa dạng về tiểu loại:

- Sự vật, chất liệu: vải trắng; tơ trắng; chiếu trắng; lá trắng...
- Mùi vị, đồ uống : hương trắng; rượu trắng
- Màu sắc: màu trắng...
- Hiện tượng thiên nhiên: Mỏm đá trắng; sông trắng; mùa trắng; gió trắng...
- Con người và bộ phận cơ thể: người trắng; xác trắng; miệng trắng....
- Lĩnh vực tình cảm: Niềm trắng; hồn trắng...

Còn trong thơ mình, Nguyễn Quang Thiều có cách gọi lạ: *thìa trắng, sóng trắng, lưỡi trắng, sa mạc trắng*. Chính mô hình cú pháp này phản ánh rõ quá trình: Trắng hoá thực tại – quy mọi thực tại đời sống về trắng; cho thấy thi nhân, sau khi hòa vào trắng đã đem nội tâm trút lên ngoại cảnh. Cách gọi ấy cho ta có những cảm nhận đa nghĩa về trắng bằng việc thêm quan hệ từ vào giữa: thìa /của/ cùng/ là/ với/ trắng; lưỡi /của/và/ trắng; sa mạc/ của/cùng/ trong/ là/ với/ trắng.

Hay cũng là *thìa trắng*, nhưng trong câu thơ sau nó lại đem đến cho ta cảm nhận về vẻ kì vĩ của con người trong tự nhiên

*Hai bàn tay tôi hai chiếc thìa mạ bạc nham nhở*

*Đang mức từng **thìa trắng***

Trăng lúc này như một món ngon thỏa mãn vị giác của con người. Tác giả đã nâng chiều kích con người lên ngang với tầm vóc vũ trụ. Trước tự nhiên, con người hiện lên đẹp và chủ động đến thế. Đó chính là mỹ cảm hiện đại: con người là trung tâm, là chuẩn mực và là thước đo của mọi vẻ đẹp .

Như vậy, qua những phân tích trên chúng ta thấy: tín hiệu trăng trong thơ Nguyễn Quang Thiều vừa mang vẻ đẹp truyền thống vừa mới lạ. Đó là minh chứng cho bản lĩnh sáng tạo của người nghệ sĩ. Tín hiệu đó phần nào đã cho ta thấy: một Nguyễn Quang Thiều ra đi và một Nguyễn Quang Thiều trở về. Ra đi từ từ truyền thống về phía hiện đại. Ra đi rồi trở về để hiểu rõ mình là mình, thấy rõ mình trong tha nhân.

### **3.2. Tín hiệu thẩm mỹ "*cánh đồng*"**

#### **3.2.1. Hướng nghĩa biểu trưng của tín hiệu thẩm mỹ "*cánh đồng*"**

Đối với đất nước có nền sản xuất nông nghiệp như Việt Nam, cánh đồng là một hình ảnh giản dị mà quen thuộc, gần gũi. Nó được biết đến là một không gian rộng lớn, bằng phẳng và gắn với các hoạt động nông thôn. Bởi thế hình ảnh ấy đã bước từ đời sống vào thi ca nghệ thuật là điều dễ hiểu.

Trong lịch sử thi ca Việt Nam, hình ảnh cánh đồng đã xuất hiện từ rất lâu. Trong những câu ca dao cho đến thơ của những nhà Thơ Mới đều xuất hiện hình ảnh này. Mỗi lần xuất hiện, hình ảnh cánh đồng hay những biến thể của nó luôn có những ý nghĩa biểu trưng khác nhau. Có khi đó là biểu tượng cho cuộc sống làng quê thanh bình, yên ả

*Con cò bay lả bay la*

*Bay từ cửa phủ bay ra **cánh đồng***

(Ca dao)

Nhưng cũng có khi nó biểu trưng cho cuộc sống vất vả nhọc nhằn của những người nông dân một nắng hai sương

*Cày **đồng** đang buổi ban trưa  
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày*

(Ca dao)

Xuất hiện trong thơ của các nhà Thơ mới, cánh đồng và biến thể của nó hiện ra như một ngã ba đường của cuộc sống mà các trí thức đương thời phải lựa chọn

*Mây biếc về đâu bay gấp gấp  
Con cò trên **ruộng** cánh phân vân*

(Xuân Diệu)

Đến thơ của Nguyễn Đình Thi, cánh đồng trở thành biểu tượng cho những đau thương mà làng quê phải gánh chịu trước bom đạn của kẻ thù

*Ôi những **cánh đồng** quê chảy máu  
Dây thép gai đâm nát trời chiều  
(Đất nước – Nguyễn Đình Thi)*

Là nhà thơ hiện đại, Nguyễn Quang Thiều đã sử dụng thi liệu ấy một cách rất riêng và trở thành một tín hiệu thẩm mỹ quan trọng trong thơ ông. Ở chương 2 chúng tôi đã khảo sát sự xuất hiện của tín hiệu này. Dựa vào kết quả khảo sát đó, chúng tôi tìm hiểu ý nghĩa biểu trưng của tín hiệu này trong thơ của Nguyễn Quang Thiều.

### **3.2.2. Ý nghĩa biểu trưng của tín hiệu thẩm mỹ "cánh đồng" trong thơ Nguyễn Quang Thiều**

#### **3.2.2.1. Cánh đồng là biểu tượng cho vẻ đẹp làng quê**

Trong phần khảo sát biến thể kết hợp trước của tín hiệu cánh đồng, ở kiểu kết hợp: từ chỉ vị trí + cánh đồng ta thấy đứng trước cánh đồng có những

từ chỉ vị trí như: *trên, ngoài, từ, qua, mãi tận, bên kia*. Những từ đó có lúc chỉ những vị trí xác định, cũng có lúc chỉ những vị trí, những không gian mang tính chất phiếm chỉ, mơ hồ, hư ảo. Kiểu kết hợp này đem đến cho tín hiệu cánh đồng trong thơ Nguyễn Quang Thiều sự đa nghĩa. Cánh đồng có khi là một không gian xác thực, chỉ một vùng đất đai rộng lớn ở vùng đồng quê hoặc ở khu vực ngoại ô. Cánh đồng có khi là miền không gian của tâm tưởng, là hình ảnh biểu trưng cho quê hương hồn hậu, cho những phong tục làng quê. Là nơi lưu giữ hồn cốt quê hương, dân tộc.

Còn kiểu kết cấu: lượng từ + cánh đồng qua thống kê chúng tôi thấy phần lớn lượng từ là những lượng từ số nhiều, chỉ một lượng lớn, không xác định: *Những, bao*. Kiểu kết cấu này còn kết hợp với những danh từ (ngoại ô, rau khúc, xứ sở, vải liệm, lúa nước, châu thổ, loa kèn, hoa cúc, ngũ cốc), tính từ (rộng lớn, xanh, xa, mênh mông, xa lắc, liền chân trời) đứng sau nó. Đó là vùng không gian rộng lớn của làng quê với những hình ảnh và sinh hoạt gần gũi, bình dị của trâu bò, cỏ, hoa, ngũ cốc, loa kèn, cày cuốc, gieo gặt.

Trong thơ Nguyễn Quang Thiều, hình ảnh cánh đồng gắn với một không gian xác thực, ở đó nếp sống, sinh hoạt bình dị. Trong *Ban mai*, hình ảnh của một làng quê bình yên trong sương sớm đã hiện ra ngay trên cánh đồng

*Những xôn xao lúa qua hơi ẩm*

*Vọng về từ **những cánh đồng rộng lớn** mờ sương*

*Tiếng bánh xe trâu lặng lẽ qua đêm*

*Chát đầy hương cỏ lẩn về nơi hừng*

Nhịp sống của làng quê ngày mới bắt đầu với những chiếc xe trâu ra đồng như chở theo cả những sương, hương cỏ, cả những xôn xao hơi ẩm cả những ngọn ban mai. Tất cả trở nên trong trẻo, tinh khôi của một sáng quê thuần hậu.

Cánh đồng còn là nơi cày cấy, gieo gặt cùng với những đứa trẻ chăn



trâu đốt rạ trên cánh đồng

*Những ngọn khói trẻ chẵn trâu đốt rạ **trên cánh đồng** sau vụ gặt*

*Thở vào ta hương vị tháng Mười*

(Tháng Mười)

*Qua **những cánh đồng** cỏ bản bật run lên*

*...Ta chạy qua **bao cánh đồng**, qua bao mùa cày cuốc, gieo gặt*

*Ta chạy qua **bao cánh đồng**, qua những mùa cỏ dại*

*Hạt cỏ tươi dạt vào túi áo ướt của em*

(Dòng sông)

Đó còn là cánh đồng vải liệm xôn xao và thom tho. Trong bài *Nhịp điệu châu thổ mới*, hình ảnh cánh đồng chính là không gian thu nhỏ của làng quê. Ở nơi đó diễn ra những phong tục tập quán như việc tiễn đưa người đã khuất

***Trên cánh đồng** vải liệm thom tho*

*.... Bóng tối gọi từ bên này đến **bên kia cánh đồng***

*Ngày của trống, nhị, kèn đã cài then cửa*

*Ngày của cờ ngũ sắc, cờ đuôi nheo, của phướn đã gấp lại*

Tất cả diễn ra với những nghi lễ thiêng liêng thành kính nhưng tuyệt nhiên không gợi cảm giác đau thương. Cánh đồng vải liệm thom tho ấy đã vang lên bao thanh âm vui nhộn của trống, nhị, kèn. Cũng chính cánh đồng đã ghi dấu những sắc màu sặc sỡ của cờ ngũ sắc, cờ đuôi nheo, phướn tung bay. Điều ấy có lẽ xuất phát từ quan niệm của bản thể con người thơ Nguyễn Quang Thiều: sự sống và thơ ca luôn chuyển động không ngừng. Hiện thực của tinh thần luôn chuyển động, sinh nở và biến ảo, một đời sống chẳng bao giờ mất đi như ta tưởng. Và ông luôn tin rằng có một đời sống sau cái chết.

Đó còn là những cánh đồng Châu thổ mang trong mình phù sa của con sông Hồng

*Rộng mê man, sông Hồng chảy bên kia giấc mơ*

*Tôi ra sông, tóc réo vang như lửa, bắt tận **trên cánh đồng Châu Thổ***

(Chiếc bình gốm)

Trên cánh đồng ấy, với phù sa của sông Hồng đã bùng nổ những loa kèn, ngũ cốc, hoa cúc và rau khúc

*Sao nàng không ở lại cánh đồng kia chỉ mọc hoa cúc dại*

*Nàng đã từ bỏ cánh đồng hoa cúc dại và nàng không còn đất đai*

(Hoa hồng)

*Trên những cánh đồng ngũ cốc đã bắt đầu lóng lánh và tỏa hương nồng nàn*

*...Miệng chàng mở những cánh đồng hoa rực rỡ và giọng chàng cất lên*

(Cây ánh sáng)

Kiểu kết hợp lượng từ + cánh đồng phần lớn là những từ chỉ số nhiều, điều ấy cho phép người đọc có quyền liên tưởng: tín hiệu cánh đồng không chỉ mang nét nghĩa cụ thể, cá biệt mà còn mang tính khái quát cao. Đó còn là hình ảnh về làm quê, quê hương đất Việt.

Ấn đàng sau hệ thống thi ảnh ấy chính là sự gắn bó, yêu thương và nhung nhớ quê hương của thi nhân. Trong rất nhiều bài thơ ông đã khắc họa hình ảnh cố hương của mình với sự tự hào, trân trọng. Thế mới thấy những gì người ta nói về thơ Nguyễn Quang Thiều “mất gốc” là chưa đúng. Nhà thơ hiện đại mà cũng rất truyền thống.

Có lẽ, mẫu gốc văn hóa trong thơ Nguyễn Quang Thiều chính là làng Chùa quê ông. Nhưng với ông đó không chỉ là một vùng quê cụ thể, là cánh đồng xứ sở mà còn là cánh đồng thế gian. Thơ Nguyễn Quang Thiều trở nên xa lạ với những vần thơ mượt mà trữ tình ca ngợi vẻ đẹp quê hương và cũng không giống Nguyễn Bính – người hay hóa thân vào nhân vật trữ tình để kể

chuyện quê, tình quê nhưng neo giữ sự bằng tình. Nhà thơ kể về quê hương bằng những hình ảnh của những kí ức tự do, hoang dại, đượm buồn, bằng những giấc mơ và trí liên tưởng độc đáo.

### 3.2.2.2. *Cánh đồng là biểu tượng cho sự hữu hạn, suy kiệt, đau buồn*

Khảo sát thơ Nguyễn Quang Thiều ở kiểu kết hợp: từ chỉ vị trí + cánh đồng chúng tôi thấy nhà thơ xác định khá rõ vị trí của những cánh đồng: thường là *cánh đồng ngoại ô, cánh đồng qua thành phố*. Chính vì thế mà hình ảnh cánh đồng trong thơ ông ít nhiều có bóng dáng thị thành. Đó cũng là lí do vì sao trong thơ ông, bên cạnh những vần thơ trong trẻo, thuần khiết về một làng quê yên bình trong cõi nhớ còn có hình ảnh của một làng quê, hình ảnh của những cánh đồng đầy thương đau và suy kiệt.

Ở biến thể kết hợp sau của tín hiệu cánh đồng, trong kiểu kết hợp: cánh đồng + tính từ, chúng tôi nhận thấy đứng sau tín hiệu cánh đồng là các tính từ: *bị thương, khô hạn, đắng cay, mù, mù mắt, cảm lạnh, góa bụa*. Việc sử dụng, sắp xếp ngôn ngữ của Nguyễn Quang Thiều đã cho người đọc thấy được cái nhìn của thi nhân trước tín hiệu cánh đồng. Với nhà thơ, cánh đồng không chỉ là không gian cày cấy nơi làng quê mà còn nhìn nhận nó như một sinh thể có sinh mạng, tâm trạng, số phận. Nhà thơ thể hiện nỗi âu lo trước sự tổn thương của sinh mạng cánh đồng.

*Bầy nhái kéo những cỗ súng thân công ra khỏi thành đất*

*Bắn những viên đạn âm thanh ẩm ướt, mơ hồ*

***Cánh đồng bị thương*** kêu lên một tiếng cười ngái ngủ

(Hòa âm của những đa bào)

*Tôi đi theo những ngọn gió không mùa*

*Trong tiếng khóc khàn khàn của **cánh đồng khô hạn***

(Trong tiếng súng bắn tĩa)

Đó còn là cánh đồng mù, cánh đồng mù mắt. Cánh đồng tựa như một

sinh thể, bị tổn thương không còn hình hài toàn vẹn

*Không còn ai trên cánh đồng mù mắt*

*Bà tôi đâu, đòn gánh gãy đâu rồi*

*Sấm mất giọng, đỉnh núi già mất bóng*

*Mắt hay còn, than thở để mà chi*

(Văn bản lần thứ nhất)

Nhân vật trữ tình trở nên hoang mang trước sự thay đổi, khuyết thiếu. Cánh đồng xanh, bất tận ngày nào nay đã mù mắt. Cánh đồng không còn vẹn nguyên trong dòng thời gian miên viễn. Đứng trước những mất mát đó, nhân vật trữ tình có lúc đã không kìm nén được xúc cảm

*Không có gì cho tôi khóc sớm nay ngoài cánh đồng rau khúc*

*Sương dâng hơi chỗ xôi nổi cuối bà tôi*

(Tôi khóc những cánh đồng rau khúc )

Chốn nương nấu cuối cùng là làng quê yên bình với những kí ức tuyệt đẹp cũng đã thành “*Những cánh đồng đắng cay vì bệnh tật kéo dài. Hoàng hôn xấu xí ngũ cốc đang gập mình bởi cơn ho hóa chất sặc mùi*” (Lời cầu nguyện). Là “*cánh đồng sặc mùi hóa chất kêu lên một tiếng cười ngái ngủ/ Và lịm vào những thửa ruộng bùn nâu*”. Trái tim nhạy cảm của nhà thơ đã nhìn thấy những viễn cảnh kinh hoàng đằng sau sự hào nhoáng của nền văn minh vật chất.

Ở biến thể kết hợp sau của tín hiệu cánh đồng, trong kiểu kết hợp: cánh đồng + danh từ chúng tôi thấy đứng sau cánh đồng là danh từ **cái chết**. Cánh đồng vốn là một không gian tạo sinh, nay trở thành cánh đồng góa bụa, cánh đồng cái chết.

Ở biến thể kết hợp trước của tín hiệu cánh đồng, trong kiểu kết hợp: động từ + cánh đồng chúng tôi thấy đứng trước cánh đồng là những động từ: *trôi qua, đi ra, từ bỏ, biến mất, đi qua, đòi mạng*. Những động từ ấy chỉ sự

chuyển động của chủ thể rời xa cánh đồng. Phần lớn trong kiểu kết hợp này cánh đồng là đối tượng chịu sự tác động của chủ thể hành động. Cánh đồng là đối tượng của sự từ bỏ, rời xa, chối từ. Khi đó nó là biểu tượng cho sự mất mát, mai một chốn quê nhà.

***Biến mất cánh đồng trong bóng tối bất tận***

*Những ngôi sao dần dần trong, dần dần tinh khiết*

(Sau bậc cửa ngôi nhà vô hình )

Như vậy trong thơ của mình, Nguyễn Quang Thiều có những dự cảm bất an mang tính bản thể. Sự bất an là một ám ảnh thường trực khiến cho tín hiệu cánh đồng gờn gợn những âu lo. Nhà thơ đã bày tỏ nỗi bất an của mình về những giá trị, vẻ đẹp của làng quê trước cơn sóng đô thị hóa. Giọt nước mắt đã rơi trên cánh đồng rau khúc thậm chí thi nhân còn có một ước mơ như hoang tưởng trần trụi “*Tôi xin ở kiếp sau làm một con chó nhỏ/ Để canh giữ nỗi buồn – báu vật cổ hương tôi*”.

3.2.2.3. *Cánh đồng là biểu tượng cho sự vô hạn, niềm hi vọng và sự tái sinh*

Trong biến thể kết hợp trước của tín hiệu cánh đồng, chúng tôi thấy trong kiểu kết hợp: động từ + cánh đồng có những động từ: *về, về lại, xuống, tới, ở lại, đến, đi đến*. Những động từ ấy chỉ sự chuyển động của chủ thể khác đến cánh đồng. Phần lớn trong kiểu kết hợp này cánh đồng là đối tượng chịu sự tác động của chủ thể hành động. Cánh đồng chỉ không gian đến, nơi tìm về của các chủ thể khác. Rất ít trường hợp chủ thể của hành động là cánh đồng. Khi đó, cánh đồng chính là biểu tượng cho những không gian nương náu, níu giữ tìm về; biểu tượng cho những giá trị trường tồn, vĩnh cửu của làng quê, cho niềm tin của con người.

*Có một ngày không gieo, gặt*

*Tôi trốn những lo âu về lại cánh đồng*

*Đất nâu thẫm hắt lên rười rượi*

*Mưa luênh loang, ngậy ngát đầy chiều*

(Cánh đồng )

Cánh đồng là nơi con người tìm về sau những âu lo chôn thị thành. Về để được tắm mình trong bầu không khí trong trẻo, yên bình nơi quê nhà. Để thấy mình được thanh lọc, để thấy mình còn là mình. Nhân vật trữ tình trong thơ Nguyễn Quang Thiều luôn có niềm khao khát bỗng chốc được trở về quê nhà.

Từ cánh đồng góa bụa, cánh đồng cái chết thì giờ đây cánh đồng được hồi sinh

*Và các con hãy lấy hạt giống thân*

*Tổ tiên giấu vùi trong bát hương*

**Gieo bí mật xuống cánh đồng** góa bụa

(Con Bống đen đẻ trứng)

Những hạt giống được tổ tiên cất giữ nay được mang ra để gieo mầm sự sống cho những cánh đồng góa bụa. Ý thơ gợi cho ta về một nét nghĩa khác: những bí mật được gieo xuống kia phải chăng còn là sự phục sinh những giá trị văn hóa truyền thống, những vẻ đẹp bất biến của làng quê. Thơ Nguyễn Quang Thiều đánh thức âu lo trong lòng người đọc về những thay đổi của cánh đồng, làng quê nhưng đó không phải là cảm hứng chủ đạo. Đánh thức điều ấy là để nhắc nhở trách nhiệm gìn giữ những vẻ đẹp giá trị nơi đây. Hồi sinh trở thành một cảm hứng chính, là mạch ngầm trong thơ Nguyễn Quang Thiều “*Và giờ đây trong bóng tối của tháng Chạp đông cứng như một chiếc hàm thiếc/ Tỏa rùng rục hơi nóng những bao hạt giống trong tiếng nghiêng kiên trì khùng khiếp của bánh xe đi đến cánh đồng đang chờ quyền phép của tháng Giêng ban tặng*” (Quyền phép của thời gian).

Trong biến thể kết hợp sau của tín hiệu cánh đồng, trong kiểu kết hợp:

cánh đồng + tính từ chúng tôi thấy, đứng sau tín hiệu cánh đồng là những tính từ: *rộng lớn, xanh, xa, không tuổi, mênh mông, xa lắc, liền chân trời, cuối cùng, đầm đìa, bất tận, không tuổi, lấp lánh, lộng lẫy, rộn vang, đang chờ, thêm thiếp*. Những tính từ đó đã gợi lên sự mênh mông, bất tận, hướng đến sự sống, sự vô hạn của những cánh đồng.

*Những bao hạt giống chát lên thùng xe tủa hơi ẩm  
Đôi lúc giấc ngủ ngắn như một cái chớp mắt  
Lướt qua **cánh đồng rộn vang** tiếng cười trâu bò  
Hòa tiếng người cười nói trong mùa màng*

(Quyền phép của thời gian)

Cánh đồng giờ không còn cảm lạnh mà đã rộn vang tiếng cười trâu bò, tiếng người cười nói mùa màng. Không gian ấy trở nên nhộn nhịp, xao động của nhịp sống tươi vui.

Đó còn là những cánh đồng xanh, cánh đồng xa, cánh đồng bất tận, cánh đồng lấp lánh của nước và hoa

*Mọc lên **cánh đồng xanh** phía thì thảo cháy họng  
...Và tiếng vật vã quen thuộc của nước trên những **cánh đồng xa***

(Nhịp điệu Châu thổ mới)

*Trên **cánh đồng lấp lánh** nước và hoa*

(Bàn tay của thời gian)

*Có những người đàn bà xanh như nước biển biến mất, chàng chỉ thấy hoa nở trên **cánh đồng bất tận**.*

( Cây ánh sáng)

Những tính từ đi cùng với cánh đồng đều gợi tả sự sống, cái đẹp và sự vô hạn. Tất cả đem đến cho chúng ta niềm tin về sự trường tồn của những vẻ đẹp và giá trị của cánh đồng. Để tâm trí chúng ta luôn in dấu bóng hình của những ***cánh đồng không tuổi***, để hướng tới, tìm về những ***cánh đồng liền***

### ***chân trời.***

Trong biến thể kết hợp sau của tín hiệu cánh đồng, trong kiểu kết hợp: cánh đồng + danh từ chúng tôi thấy, đứng sau tín hiệu cánh đồng là những danh từ: *mùa xuân, lúa nước, ngôn ngữ, châu thổ, sản phụ, thế gian*. Những danh từ ấy đều gọi tên những gì là sức sống, sinh sôi và tươi đẹp.

*Tôi bay qua những **cánh đồng mùa xuân** còn ái ngại*

(Bài hát)

*Đêm đêm những đám mây giạt về đâu*

*Trên những **cánh đồng lúa nước**, trên những ngọn đồi*

(Mỗi sáng tôi mở cửa)

Cánh đồng mùa xuân, cánh đồng lúa nước là những miền không gian diển ra và chúng kiến những đổi thay, sự hồi sinh cho làng quê, cho những cánh đồng. Đó cũng là nơi diển ra sự sống, những sinh sôi.

Có lúc Nguyễn Quang Thiều nhìn cánh đồng như một bà mẹ, suy tôn cánh đồng thành một đấng sáng tạo. Cánh đồng như một sản phụ, sinh ra và làm giàu có hơn cho những giá trị văn hóa làng quê

*Người bỏ lại chiếc khăn sòn ân ái*

*Và đi, tóc tan hoang, đi mãi*

***Qua cánh đồng sản phụ***

(Con Bồng đen đẻ trứng)

*Bình minh đang lên mới mẻ và sạch sẽ hơn mọi sự ca ngợi và  
nguyên rủa của người*

***Cánh đồng chiêm thiếp** sau từng đêm sinh nở*

(Bình minh đang lên)

Từ những sự hồi sinh đó, tác giả đã khái quát thành cánh đồng thế gian

*Dấu chân chúng đã điếm chỉ*

*Trên những **cánh đồng thế gian***



(Linh hồn những con bò )

Như vậy tín hiệu cánh đồng giờ không chỉ là biểu tượng cho làng quê của nhà thơ mà nó mang một ý nghĩa phổ quát hơn: biểu trưng cho những gì vô hạn, sự hồi sinh và niềm hi vọng trên thế gian. Bởi thế mà trong thơ Nguyễn Quang Thiều luôn có một giọng nói ngậm vang lên

- *Còn một hạt giống là còn cánh đồng*

- *Còn một giọt nước là còn dòng sông*

- *Còn một người có đức tin là cả thế gian được cứu rỗi*

(Bài ca trong đêm cuối cùng của năm cũ)

Chỉ qua tín hiệu cánh đồng chúng tôi phần nào thấy được đặc điểm của hệ thống thi ảnh, thi tứ trong thơ Nguyễn Quang Thiều. Các thi tứ trong thơ Nguyễn Quang Thiều luôn có sự vận động: từ bóng tối của nỗi đau, sự sợ hãi đến ánh sáng của đức tin

### Tiểu kết chương 3

Từ kết quả khảo sát ở chương 2, trong chương 3 này chúng tôi dựa vào các biến thể của tín hiệu *trăng*, *cánh đồng* trong thơ Nguyễn Quang Thiều để chỉ ra được những nét nghĩa biểu trưng của nó.

Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy, các tín hiệu thẩm mỹ *trăng*, *cánh đồng* trong Nguyễn Quang Thiều là những tín hiệu thẩm mỹ giàu giá trị. Ngoài việc sử dụng như một tín hiệu với ý nghĩa bản nguyên, phần lớn tín hiệu thẩm mỹ *trăng*, *cánh đồng* trong Nguyễn Quang Thiều được dùng để biểu đạt ý nghĩa biểu trưng, hàm ẩn. Các ý nghĩa này cũng rất phong phú nhưng các tín hiệu này vẫn mang một số nét nghĩa biểu trưng: Trăng biểu trưng cho đối tượng tri giao của nhân vật trữ tình, biểu trưng cho những giá trị bất biến, trường tồn cho sự liên tưởng đầy cá tính của thi nhân. Còn cánh đồng là biểu tượng cho vẻ đẹp làng quê, cho sự hữu hạn, suy kiệt, đau buồn, cho sự vô hạn, niềm hi vọng và sự tái sinh

Với việc sử dụng các tín hiệu *trăng*, *cánh đồng*, Nguyễn Quang Thiều đã phần nào thể hiện được tư duy thẩm mỹ hiện đại, phong cách nghệ thuật và tài năng thi ca của mình. Ông làm mới thi liệu đã quá quen, sử dụng độc đáo thi liệu còn khá mới mẻ. Tất cả đã góp phần khẳng định một ngòi bút luôn ý thức và nỗ lực không ngừng trên hành trình cách tân thơ Việt.

Đối với người tiếp nhận, đọc và cảm thơ Nguyễn Quang Thiều luôn là một “thách thức”. Việc tìm hiểu và chỉ ra ý nghĩa biểu tượng của những tín hiệu thẩm mỹ *trăng*, *cánh đồng* trong thơ Nguyễn Quang Thiều là một sự gợi dẫn đối với bạn đọc yêu mến thơ ông.

## KẾT LUẬN

1. Với đề tài tìm hiểu một số tín hiệu thẩm mỹ trong thơ Nguyễn Quang Thiều, chúng tôi đã vận dụng kế thừa thành tựu của những công trình nghiên cứu đi trước về tín hiệu thẩm mỹ. Trên cơ sở đó chúng tôi tiến hành khảo sát, thống kê tần số xuất hiện của các tín hiệu *trăng*, *cánh đồng* trong thơ Nguyễn Quang Thiều. Bên cạnh khảo sát về tần số xuất hiện, chúng tôi cũng chỉ ra một số kết hợp mà các tín hiệu thẩm mỹ đi kèm để có cái nhìn tổng thể hơn. Tiếp đó chúng tôi tìm hiểu giá trị của các tín hiệu thẩm mỹ *trăng*, *cánh đồng* trong thơ Nguyễn Quang Thiều bằng lý thuyết của tín hiệu thẩm mỹ.

2. Tìm hiểu giá trị của các tín hiệu thẩm mỹ *trăng*, *cánh đồng* trong thơ Nguyễn Quang Thiều cũng chính là tìm hiểu ý nghĩa biểu trưng của các tín hiệu đó. Thông qua các biến thể kết hợp và biến thể từ vựng của các tín hiệu thẩm mỹ *trăng*, *cánh đồng* chúng tôi nhận thấy các tín hiệu *trăng*, *cánh đồng* bên cạnh mang ý nghĩa gốc thì phần lớn các tín hiệu đó mang ý nghĩa biểu trưng phong phú, đa dạng: Trăng biểu trưng cho đối tượng tri giao của nhân vật trữ tình, biểu trưng cho những giá trị bất biến, trường tồn cho sự liên tưởng đầy cá tính của thi nhân. Còn cánh đồng là biểu tượng cho vẻ đẹp làng quê, cho sự hữu hạn, suy kiệt, đau buồn, cho sự vô hạn, niềm hi vọng và sự tái sinh. Các biện pháp biểu đạt giá trị của các tín hiệu chủ yếu là so sánh, ẩn dụ và hoán dụ.

3. Qua việc tìm hiểu giá trị thẩm mỹ của các tín hiệu *trăng*, *cánh đồng* trong thơ Nguyễn Quang Thiều chúng ta hiểu rõ hơn về đặc điểm trong thơ của ông. Để thấy thơ mới là thể loại nói lên cốt cách con người nhà thơ, là nơi ông gửi gắm nhiều tâm sự, nỗi lòng, là phần tâm huyết nhất trong cuộc đời của ông. Nguyễn Quang Thiều đã thể hiện được tư duy thẩm mỹ hiện đại, phong cách nghệ thuật và tài năng thi ca của mình. Tất cả đã góp phần khẳng định một ngòi bút luôn ý thức và nỗ lực không ngừng trên hành trình cách tân thơ Việt.

4. Nghiên cứu tín hiệu thẩm mỹ trong thơ một tác giả mới – Nguyễn Quang Thiều, với những khả năng và điều kiện còn giới hạn trong chừng mực của luận văn thạc sĩ, chúng tôi mới xem xét và nghiên cứu đề tài ở một mức độ nhất định và trong một phạm vi nhất định chắc chắn còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết. Chúng tôi hi vọng rằng đề tài sẽ được tiếp tục nghiên cứu và mở rộng sâu sắc, đầy đủ hơn nữa. Tuy nhiên chúng tôi cũng mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé vào việc vận dụng những thành tựu của ngôn ngữ học để phát hiện và khẳng định một số giá trị thẩm mỹ có tần số xuất hiện cao trong thơ Nguyễn Quang Thiều góp phần tìm hiểu những nét đặc sắc riêng của phong cách thơ Nguyễn Quang Thiều.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Kim Anh (1999), *Sự biểu đạt bằng ngôn ngữ các tín hiệu thẩm mỹ có nguồn gốc thực vật trong thơ mới*, Luận văn thạc sĩ, ĐHSP HN.
2. Đỗ Hữu Châu (1974), “Trường từ vựng ngữ nghĩa và việc dùng từ ngữ trong tác phẩm nghệ thuật”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 3.
3. Đỗ Hữu Châu (1982), “Ngữ nghĩa học hoạt động và ngữ nghĩa học hệ thống”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 3.
4. Đỗ Hữu Châu (2005 ): *Tuyển tập*, tập một, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Đỗ Hữu Châu (2009), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb ĐHQGHN.
6. Đỗ Hữu Châu (2010), *Đại cương ngôn ngữ học, tập 2, Ngữ dụng học*, Nxb GD, Hà Nội.
7. Hữu Đạt (1996), *Ngôn ngữ thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Phan Cự Đệ (chủ biên) (2004), *Văn học Việt Nam thế kỉ XX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Nguyễn Đăng Điệp (chủ biên)(2012), *Thơ Việt Nam hiện đại và Nguyễn Quang Thiều*, Nxb Hội nhà văn.
10. Hà Minh Đức (1997), *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
11. F. de. Saussure (1973), *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, Nxb KHXH.
12. Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (1999), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb ĐHQGHN.
13. Lê Thị Tuyết Hạnh (1990): *Một số tín hiệu thẩm mỹ trong thơ của Xuân Quỳnh*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học sư phạm Hà Nội.
14. Nguyễn Thị Ngân Hoa (2005), *Sự phát triển ý nghĩa của hệ Biểu tượng trang phục trong ngôn ngữ thơ ca Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện ngôn ngữ học.
15. Đỗ Việt Hùng - Nguyễn Ngân Hoa (2006), *Phân tích phong cách ngôn*

- ngữ trong tác phẩm văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
16. Đỗ Việt Hùng (2011), *Nghĩa của tín hiệu ngôn ngữ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
  17. Jean Chevalier - Alain Gheerbrant (1997), *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, Nxb Đà Nẵng và Trường Viết văn Nguyễn Du
  18. Nguyễn Lai (1983): *Từ một số luận điểm của Mác suy nghĩ về bản chất tín hiệu của ngôn ngữ*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 2
  19. Mã Giang Lân (1992), “Nhìn lại thơ 30 năm chiến tranh”, Tạp chí *Văn học*, số 2
  20. Mã Giang Lân (2005), *Văn học hiện đại Việt Nam – Vấn đề - Tác giả*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
  21. Phương Lưu (chủ biên) (2002), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
  22. Trương Thị Nhân (2011), “Tín hiệu thẩm mỹ và vấn đề nghiên cứu tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn chương”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, tháng 9.
  23. Hoàng Phê (chủ biên) (2008), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
  24. Trần Thị Thu Phương (2011), *Một số tín hiệu thẩm mỹ trong thơ Dương Thuấn*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
  25. Trần Đình Sử (2005), *Lí luận văn học, tập 2*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
  26. Nguyễn Trọng Tạo (1998), *Văn chương và cảm luận*, Nxb Văn hóa thông tin.
  27. Đào Thản (1988), *Từ ngôn ngữ chung đến ngôn ngữ nghệ thuật*, Nxb Khoa học xã hội.
  28. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
  29. Nguyễn Quang Thiều (2010), *Châu thổ*, Nxb Hội nhà văn.
  30. Đỗ Lai Thúy (1998), *Con mắt thơ* (Phê bình phong cách Thơ Mới), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
  31. Nguyễn Đức Tồn (1996): *Phương pháp xác lập và cấu trúc dãy đồng nghĩa trong biên soạn từ điển từ đồng nghĩa tiếng Việt*, TCNN, số 4.

32. Hoàng Tuệ, “Tín hiệu và biểu trưng”, *Báo văn nghệ*, ngày 12/03/1977